

Chương VIII
HÒA CHĂNG YÊN:
Những Năm Cuối Triều Hoàng Nhiệm, 1874-1883

Năm 1879 đánh dấu nhiều thay đổi quan trọng. Ngày 30/1/1879, Francois P. Jules Grévy đắc cử Tổng thống Pháp, với nhiệm kỳ 7 năm (1879-1887). Ngày 4/2/1879, Đô Đốc Jean Bernard de Jauréguiberry trở lại làm Bộ trưởng HQ & TĐ (tới 23/9/1880). Sự xuất hiện của những đảng viên "thuộc địa" như Léon Gambetta, Jules Ferry, Jauréguiberry v.. v... mang lại chương kết của cuộc xâm lăng quá dài của người Pháp. Ngày 13/5, Charles le Myre de Vilers (1833-1918) được bổ nhậm Thống đốc dân sự đầu tiên của Nam kỳ, thay thế Đô Đốc/Thống đốc cuối cùng, Louis Jules Lafont [Đô La Phong] (16/10/1877-6/7/1879)—cựu tùy viên của Rigault de Genouilly, từng mang Linh mục Theophile de la Liraye và Petrus Key tới gặp đại diện của Tổng thống Khâm sai Nguyễn Tri Phương ngày 21/6/1859, hy vọng đạt một hiệp ước, nhưng thất bại. (1) Le Myre de Vilers được toàn quyền hành động—với hàm ý thời kỳ xâm lược quân sự đã qua, và **sứ mệnh khai hóa** [*mission civilisatrice*] bắt đầu.

1. *ĐNTLCB*, IV, q XX, 29:1859-1862, 1974:29-30 [Tôn Thất Hàn sai suất đội Chu Cưu gặp phái nhân của Pháp là Nguyễn Văn Mại, Nguyễn Văn Đạc, yêu cầu viết thư; phạt Tôn Thất Hàn 6 tháng lương; Chu Cưu 60 trương], 49 [30/6-28/7/1859: cho phép Nguyễn Tri Phương thương thuyết], 69 [7-8/1859: trận Liên Trì, quân Nguyễn thua].

Châu Bản Triều Tự Đức [CBTD], Thập nhị niên, Chính nguyệt-Tứ Nguyệt, 28/4 TĐ XII/Kỷ Mùi [30/5/1859], CB 239, tờ 284-285(không nhận thư ngày 6/4 Kỷ Mùi [8/5/1859]) [2003:69], 29/4 TĐ XII/Kỷ Mùi [31/5/1859], CB 239, tờ 289-290 (vì không có thông ngôn)[2003:69], 13/5 TĐ XII/Kỷ Mùi [13/6/1859], CB 243, tờ 102-103 (Pháp nhờ thông ngôn người Hoa ở Sài Gòn), 10/6 TĐ XII/Kỷ Mùi [9/7/1859], CB 243, tờ 137 (Lý Thuận Nhất)

Le Myre de Vilers là người muốn Pháp hóa [Frenchi-fying] Nam Kỳ, thiết lập chế độ ứng dụng luật Pháp, và đặt ra những Hội đồng thuộc địa [*Conseil Colonial*], đồng thời hoàn tất cuộc bành trướng chủ quyền thuộc địa Pháp ra Bắc. Charles Thomson (13/1/1883-27/7/1885), người kế vị của Le Myre de Vilers mới đặt xuống những căn bản “công pháp quốc tế” cho việc bảo hộ Trung và Bắc Kỳ.

Đáng ghi nhớ là Paris trực tiếp điều khiển và theo dõi việc bành trướng ra Bắc Kỳ, với sự phối hợp chặt chẽ giữa hai Bộ Ngoại giao và Hải Quân & Thuộc Địa, ngoại trừ một giai đoạn ngắn mà Tổng Nha Thuộc Địa được chuyển qua Bộ Thương Mại và Thuộc Địa. Đôi khi, ngay chính các Thủ tướng Pháp cũng đặt vấn đề Bắc Kỳ nói riêng, và Đông Dương nói chung, lên hàng quốc sách.

I. BẮC KỲ NHÌN TỪ PARIS: GIAI ĐOẠN "HỮU CHIẾN" 1874-1879:

Ký xong hiệp ước 15/3/1874, Pháp đã đạt được mục đích sơ khởi: đó là chiếm sáu [6] tỉnh miền Nam, và bắt triều Huế phải cho tự do truyền đạo và giao thương ở Trung và Bắc Kỳ. Bởi vậy, trong những năm cuối thập niên 1870, chính phủ Pháp cũng như những Đô đốc/Thống đốc ở Sài Gòn—from Jules Krantz (16/3-1/12/1874), tới Charles Duperré (1/12/1874-31/1/1876, 7/7/1876-15/10/1877), và rồi Louis Jules Lafont (16/10/1877-6/7/1879)—tạm thời hài lòng với vùng lãnh thổ cướp đoạt được, chỉ lo ổn định tình thế ở miền Nam, thực thi những cải cách rộng lớn về hành chính, đất đai, thuế khóa, giáo dục, luật pháp v.v..., cho Hoàng Nhiệm và triều thần Nguyễn được tạm thời sống yên ổn ở Huế. Năm 1877, Paris và Sài Gòn còn thỏa mãn mong ước của Hoàng Nhiệm và Nguyễn Văn Tường thay Rheinart bằng Philastre, một chuyên viên Hán ngữ, từng chứng tỏ “tình bạn thật thà” qua việc trả lại Hà Nội cùng châu thổ song Hồng. Trong thời gian ở Huế, Philastre cũng tập trung vào việc trau dồi Hán ngữ và nghiên cứu về văn minh Việt Nam, dưới sự giúp đỡ của một cử nhân người Việt, do đích thân Hoàng Nhiệm tuyển chọn. Nhờ vậy, Philastre tiến xa trong việc phiên dịch và tóm lược bộ Luật “Gia Long,” do Nguyễn Văn Thành

chủ biên năm 1815. Philastre cũng cải thiện việc bang giao Pháp-Nguyễn, tránh xen vào nội bộ triều Nguyễn như người tiền nhiệm. Philastre cũng bỏ qua việc Hường Nhiệm cử Sứ đoàn Bùi Ân Niên triều công Yên Kinh năm 1876-1877. Bởi thế, Hường Nhiệm coi Philastre như một bạn tâm giao, không ngừng tâm sự với Philastre.

Dẫu vậy, vua quan Nguyễn vẫn phải đối đầu với những khó khăn muôn bề. Tại miền Bắc, giặc giã triền miên. Ngoài thổ phỉ và hải tặc Hoa, những giáo dân Ki-tô từng phục vụ đạo quân của Garnier kết thành nhiều nhóm thổ phỉ hay hải tặc dưới sự che chở, nếu không phải chỉ huy, của các cố đạo. Kho tàng trong nước hầu như trống rỗng, trong khi chiến phí ngày một cao, nguồn lợi tức ở miền Nam bị cắt đứt.

Chỉ nguyên khoản “bồi thường chiến phí” Pháp và Espania đánh chiếm Đại Nam lên tới 400,000 đồng hay 2,880,000 lạng bạc một năm. Mỗi năm trả 2 lần. Năm 1862 và 1863 còn thiếu lại 5,049 đồng. Năm 1864 thiếu 200,000 đồng. (2)

2. *ĐNTLCB*, IV, XXIX, 30:1863-1865, 1974:94-95, XXXI, *Ibid.*, 1974:180. [**Tháng 3-4/1865 [3 Ất Sửu]** Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành trình việc bồi thường chiến phí: 400,000 đồng mỗi năm [2,880,000 lạng bạc].

Để có đủ tiền trả nợ năm 1865, vua phải mang một số vật dụng bằng bạc trong kho ra đúc nén. Lại sai Trương Văn Uyên vào Nam thu góp vàng bạc, nấu chảy cả hai pho tượng Phật cổ của Cầm-Bốt bằng vàng, đổ thành nén. Tháng 8-9/1865, đúc các đồ dùng bằng bạc thành bạc khối. Nộp cho Pháp 72,000 lạng (100,000 đồng). Phó Đô ngự sử Lê Đình Đức nói phải trả nợ đúng kỳ hạn. (3)

3. *ĐNTLCB*, IV, XXIX, 30:1863-1865, 1974:94-95, XXXI, *Ibid.*, 1974:180; XXXII, *Ibid.*, 1974:234-235, 236.

Không những ngân khố các tỉnh voi hụt, mà hầu bao, vựa lúa của nông dân bị soi móc đủ kiểu. Hường Nhiệm chấp thuận mọi biện pháp tăng thu—tăng thuế ruộng đất, linh động lệ lạc quyền. Tháng 9/1864, Nam trực (Quảng Nam-Quảng Ngãi) và Tả kỳ (tới Bình

Thuận) thiếu gạo [do việc phong tỏa kinh tế của Pháp?], bắt quyên thóc gạo, Cưu phẩm bá hộ ở Quảng Bình không chịu nộp, đánh 100 trượng trước đình. Phải nộp 8000 quan mới tha. (30:99, 111), kể cả hoàng thân, công tử (30:118-19), bán phẩm hàm, chức tước (30:121-24), cho dùng tiền chuộc tội (30:121-24). (4)

4. *ĐNTLCB*, IV, XXIX, 30:1863-1865, 1974:99, XXXI, *Ibid.*, 1974:111, 118-19, 121-24

Và, dù chẳng vui thú gì, từ tháng 1-2/1865, vua bỏ lệnh cấm hút thuốc phiện từ triều Nguyễn Phước Đảm, chỉ đánh thuế nặng; bắt đầu thí nghiệm trưng thầu thuế thuốc phiện. Trong năm 1865 thu được tổng số 382,000 quan. Ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thu được cao nhất, 264,000 quan. Nam Định, 21,000 quan, Bình Thuận 20,000 quan, Hà Nội 17,000 quan. Phú Yên mỗi năm thu được 5,000 quan. Năm 1870, vì sự tranh thương giữa người Hoa, tiền thuế ngày một gia tăng, lên tới 595,500 quan. (5)

5. *ĐNTLCB*, IV, XXXI, 30:1863-1865, 1974:163-64; XLIV, 32:1870-1873, 1976:112-116; [*CBTD*, TĐ XIII, CB 346:80-84, ?24-29 ; 2003:] Tsuboi, 1990:146.

Tháng 5-6/1881, Hoa thương Hầu Lợi Trinh trưng thầu thuốc phiện, thuế cho cả ba năm là 1,786,500 quan. Được phép thu thuế từ Quảng Trị tới Bắc Kỳ, ngoại trừ 5 tỉnh Tuyên, Cao, Lạng, Thái và Hưng Hóa. Tăng thêm được 527,300 quan. (6)

6. *ĐNTLCB*, IV, LXV, 35:1881-1883, 1976:31[Có tranh chấp với hãng Đặng Quảng Thịnh];

Nhưng vì “đức ý” của triều đình, Hán Văn Đế ở Huế thỉnh thoảng lại ra lệnh cấm hoàng thân, quan chức và rồi cử nhân, tú tài không được “yên sĩ phi lí thuận.” (7)

7. *ĐNTLCB*, IV, 27:382 [8/5-6/6/1853: [Tháng 4 Quý Sửu] Cấm quan viên hút thuốc phiện], 28:66 [Tháng 9 Giáp Dần, 22/10-19/11/1854]: Tuần phủ Hưng Hóa Phan Tĩnh bị cách chức vì hút thuốc phiện], 30:105, 149-150. XLVIII, 32:1870-1873, 1976:298-299 [Tháng 6 Quý Dậu, 25/6-23/7/1873:

cử nhân, tú tài phải bỏ thuốc phiện trong vòng 1 năm].

Quân phí chống tặc phi tại miền Bắc (kể cả quân lương cho Thanh binh và tiền thuê tàu Thanh [9000 lạng bạc 1 tháng], là mỗi lo khác. Năm 1871, quân phí tại miền Bắc lên tới 58 vạn quan, trong khi chỉ thu được 37 vạn. (8)

8. *ĐNTLCB*, IV, XXXI, 30:1863-1865, 1974:105, 149-50; *CBTD*, TĐ XXIII [6/7/1871], CB:90-94).: TĐ XXIV: [16/7/1871] 219-224.

Ngày 21/12/1869, Hường Nhiệm cho lệnh khuyến khích dân chúng gia tăng sản xuất, khai thác lâm khoáng sản, làm muối, đánh cá. Triều đình còn chiêu mộ dân chúng đi khai khẩn, lập nghiệp ở những miền đất hoang như Cam Lộ (Quảng Trị), v.. v... Ngày 2/11/1876, Hường Nhiệm thuận cho Nguyễn Thông và Nguyễn Chánh Tâm di dân vào Bình Thuận lập đồn điền. (9)

9. *CBTD*, XXII, CB 333:105-8 ; 11/10 TD XXIII, CB 360: 138-40.

Để gia tăng số thu nhập vương quốc, còn cho lệnh tận lực khai thác các tài nguyên. Nhưng phần lớn Hoa thương được độc quyền khai thác các quặng than đá và kim loại.(10)

10. *CBTD*, TĐ XXIII [1870],, 354:159-166, TĐ XXIII [1870],, 352:319-321. Ngày 4/11/1876, Hường Nhiệm cho một Hoa thương thầu khai mỏ ở Cẩm phả và Đại độc; TĐ XXIX [1876], 403:302-5..

Ngoài ra, đặt thêm các loại thuế, và khuyến khích "lạc quyền" để trả chiến phí. Vua còn cho nghiên cứu việc sử dụng tiền giấy.(11)

11. *CBTD*, XXIII [1870],, CB 366:66-76.

Sự thâm thủng ngân quỹ ngày một trầm trọng. Tính đến năm 1876, Hường Nhiệm đã cho lệnh quyền góp tổng cộng sáu lần mà vẫn thiếu hụt. (12)

12. *CBTD*, 10/5 TĐ XXIV[27/6/1871], CB 370:5-9 [2003:179], 69-103 [2003:179-180]; ?5:90-94; *ĐNTLCB*, IV, XLV, 32:1870-1873, 1976:113-116; LV, 33:1874-1876, 1975:277.

Hương Nhiệm phải tiếp tục chính sách bán quan tước cho những người giàu có, tăng thuế tư điền, và rồi cắt nhượng cho Hoa thương độc quyền khai thác các mỏ khoáng sản và kim loại.

Ngoài ra, còn đề nghị giảm bớt lính địa phương để lấy lương tiền nuôi quân triều đình và phục vụ quân Thanh sang giúp triều phi.

Dân chúng siêu tán, cơ khổ không chỉ vì giặc cướp, mà còn do sự tàn ác và tham lam của quan quân Thanh-Nguyễn. Thiên tai, bão lụt, đói kém, dịch lệ (30:87) liên miên. Tệ nạn bán mình hay bán con cái, và buôn nô lệ sang Trung Hoa lan tràn. (13)

13. *ĐNTLCB*, IV, LXV, 35:1881-1883, 1976:23 [30/3-27/4/1881, thuyền buôn nước Thanh tới cửa Quyền, Nghệ An, mua 72 người đàn ông lẫn đàn bà. Tàu Pháp bắt được, mang vào Sài Gòn giao cho Nguyễn Thành Ý. Vua cách chức Tấn thủ Bùi Đức Tu].

Tình trạng đói khổ hầu như hàng năm từ Nghệ-Tĩnh ra bắc khiến dân tình thêm ta thán, và uy tín triều đình ngày một suy giảm. (14)

14. *ĐNTLCB*, IV, 34:1877-1880, 1976:195-196 [Tháng 1-2/1879, Quảng Ngãi, đói]. 1976: 197 [Từ Thanh Hóa trở vào, giá gạo cao]. 201 [Tháng 2-3/1879, tỉnh Thái Nguyên không đủ sức cung cấp lương tiền cho quân Thanh. 215 [Hà Tĩnh, 8,000 dân đói đến kiếm ăn].

Bởi thế, trước năm 1867, vua và các đình thần từng suy nghĩ về lời khuyên—thực tế, dù phũ phàng—của thông ngôn (“nho”) Tôn Thọ Tường là nếu thiếu tiền, nên cắt ba tỉnh miền Tây cho Pháp để trả nợ. (15)

15. *ĐNTLCB*, IV, XXXI, 30:1863-1865, 1974:180; XXXII, *Ibid.*, 1974:234-235.

“Giặc” là tiếng gọi bất cứ ai bị kết tội chống triều đình. Dân đói khổ muốn tìm miếng ăn, cái mặc. Nạn nhân của tham quan ô lại. Các đạo quân Thanh mang danh nghĩa giúp dẹp phi cũng rất hang say hành hạ, ngược đãi, giết chóc dân công. Hương Nhiệm từng phải

cho lệnh khiêu nại hay phản đối, “nói khéo” với họ Phùng. (16)

16. *DNTLCB*, IV, LXI, 34:1877-1880, 1976:197.

Trong hàng quan lại, mặc dù những cột trụ triều đình như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản và Nguyễn Tri Phương đã nối tiếp nhau từ trên, một số khuôn mặt đáng kể khác bắt đầu xuất hiện, như Trần Tiễn Thành, Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Hoàng Diệu, Phạm Phú Thứ, Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ, Phạm Thân Duật, v.v... Lùng lầy hơn cả là Thuyết và Viêm. Tháng 9/1875, Thuyết bắt sống được thủ lĩnh Cờ Vàng là Hoàng Sùng Anh, và giết nhiều đồ đảng của Anh. Viêm thì có một tro85 thủ đắc lực là Lưu Vĩnh Phúc, và liên thủ với nhà Thanh dẹp giặc Lý Dương Tài ở vùng Lạng Sơn-Cao Bằng.(17) Trong hai năm 1876-1877, Thuyết và Viêm được coi như hai nhân vật quyền thế nhất đất Bắc, nhất là sau cái chết của Garnier. Tuy nhiên, hai đại thần này cũng ra mặt đối nghịch nhau. Thuyết, vì chủ trương phải cứng rắn với giặc Cờ Đen dưới trướng Viêm, bị triệu hồi về Huế, và có một thời gian đòi từ quan đi tu, nhưng Hoàng Nhiệm không chấp thuận. Từ đó uy thế Viêm ngày một lùng lầy. Trên thực tế, các quan lại và giới văn thân đất Bắc có phần tôn trọng Viêm hơn cả Hương Nhiệm và "triều đình khi dân" ở Huế.

17. Lý Dương Tài là một tướng Thanh đổi sang nghề cướp, tự xưng làm dòng dõi nhà Lê. Theo sử Việt, Viêm giết được Tài. Theo lãnh sự Pháp ở Hà Nội, Tài bị quân Thanh giết; Báo cáo ngày 17/10/1879, Kergaradec gửi Goucoch; CAOM (Aix), Amiraux, Dossier 13018.

Tại Huế, từ sau ngày "đòi" được Hà Nội năm 1874, Tường và Trần Tiễn Thành, người có công cất nhắc Tường, là hai nhân vật quyền thế nhất. *Thương Bạc* Tường trở thành một thứ Thượng thư Ngoại Giao. Năm 1875, Hoàng Nhiệm cho dựng nha sở riêng cho Viện Thương Bạc ở phía ngoài thành, nơi Rheinart trình quốc thư vào tháng 9/1875. Cơ sở quyền lực của Tường cũng bắt đầu được gây dựng qua cuộc hôn nhân giữa con trai Tường và một quận chúa thuộc “phòng” Hoàng Cai, cha

của Ung Kỳ và Ung Đăng, hai con nuôi của Hương Nhiệm. Tuy nhiên, Tường cũng tạo cho mình một kẻ thù không đội trời chung là Rheinart qua những buổi tranh luận nảy lửa về việc thực thi những điều khoản của Hiệp định 1874, đặc biệt là điều 8 và điều 9 về việc đối xử với giáo dân. (18)

18. CAOM (Aix), Amiraux, Dossiers 12768/3, 12772/1 (thư ngày 2/10/1875, Rheinart gửi Dupré), 12774 (thư ngày 9/10/1875 và 16/10/1875, Rheinart gửi Dupré), 12775 (thư ngày 23/10/1875, Rheinart gửi Duperré), 12776/3 (thư ngày 27/10/1875, Rheinart gửi Nguyễn Văn Tường), và 10445, 10468, 12820/1, 12821/1. Xem thêm chi tiết trong Thuần 1990: chương VII.

Người Pháp cũng đặc biệt chú ý đến kế hoạch kinh tế mới của Hương Nhiệm, tức thiết lập sơn phòng sứ tại những vùng sơn cước hay đất bị bỏ hoang. Những đơn vị kinh tế-quân sự này, một hình thái mới của kiểu mẫu "đồn điền" trong Nam, ngoài nhiệm vụ tăng gia số đất đai canh tác và hoa mầu, còn có công dụng phòng ngừa giặc cướp, hoặc một thứ căn cứ kháng chiến trong tương lai.

Bệnh Từ Trong Tim:

Riêng với cá nhân Hương Nhiệm—nhân vật theo lý thuyết nắm giữ quyền hành tuyệt đối—rã vụn dần sơn phần trước những cặp mắt soi mói của các viên chức Pháp. Đại biện Rheinart ở Huế không ngớt nhấn mạnh vào sự cầu hòa của Hương Nhiệm—dưới chiếu bài hiệu nghĩa với mẹ, Hương Nhiệm cố bám víu lấy kinh thành, tránh cho mẹ và các phi tần cảnh chạy loạn. Tóm lại, theo Rheinart, chỉ cần nhân nhượng cho Hương Nhiệm và Hoàng gia một khoảng cách vừa phải, Hương Nhiệm sẽ chấp nhận mọi điều kiện mà hòng đại pháo và lưỡi lê áp đặt. Nhưng quá tự tin, Rheinart quên hay tăng lời đặc tính của giai tầng cai trị Việt Nam—đó là bài học nhập tâm, “chín đời báo thù mới là đại nghĩa.” Dường như Thống đốc Louis Jules Lafont đã đọc rõ được tâm ý Hương Nhiệm và đình thần, qua nhận định ngày 21/3/1878, trong thư gửi Bộ trưởng HQ & TĐ Pothuau: "Với chúng ta, triều đình Huế chỉ có sự thù ghét sâu

đậm.... *Tất cả những sự nhân nhượng của chúng ta sẽ bị coi là nhu nhược*" (19)

19. SHAT (Vincennes), 10H xxx

Ngày 25/3/1878, Tử tước Brenier de Montmorand từ Yên Kinh cũng báo cáo về Paris việc Tổng đốc Quảng Tây Tou Tsong-ing cho tờ *Công Báo Yên Kinh* [*Gazette de Pékin*] ngày 20/3/1878 đăng bố cáo về việc sứ đoàn Bùi Ân Niên đã trên đường trở lại Huế; và không dấu sự bất mãn khi biết Hường Nhiệm tự xưng Hoàng đế, nhưng thực chất chỉ là một tước vương hạng nhì của triều Thanh. (20)

20. MAE (Paris), *DD I* (1883), pp 76-77.

Đó chỉ là những sự thực bị phu vây quanh Hường Nhiệm—một tác nhân lịch sử chưa được nghiên cứu tường tận. Điểm đặc biệt đáng ghi nhận là đặc tính biến thái bất thường. Từ nhỏ, và cho tới lúc cuối đời, Hường Nhiệm tự ví như Lưu Hằng (Hán Văn Đế, 180-157 TTL)—nhân vật ít nói, nổi danh qua những truyền bản giai thoại trong *Sử Ký* [*Shiji*], Benji [*Annals*] 3, của Tư Mã Thiên [Sima Qian, 145-86 TTL]; rồi sao chép lại trong *Tiền Hán Thư* [*Xian Hanshu*], cùng các sách đời sau như *Zizi tongjian* [*Tư Trị Thông Giám*] (1084) của Tư Mã Quang [Sima Guang, 1019-1086]. Từng mê say chủ biên *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* (22/1/1856-10/9/1884) và một số tác phẩm khác, Hường Nhiệm từng có dịp suy gẫm và so sánh giữa Lưu Hằng ít nói, với Triệu Trinh [Tổng Nhân Tông, 1023-1063], hay Lý Thế Dân [Đường Thái Tông, 627-650] nói nhiều. (21)

21. *ĐNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:6-7. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* [CM], Dụ chỉ [DC], I:1-2 [22/1/1856], II:9-10 [12/8/1856], *Tiền Biểu* [TnB] I:1-6 [10/9/1884]

Trú sứ Philastre—có lẽ được giao phó vai trò “Ông Thiện” của cuộc xâm lược tại Huế, đối cực của những “Ông Ác” Pierre Rheinart des Essarts hay Louis Palasne de Champeaux,—phần nào phản ảnh sự thực não buồn trong những năm tháng cuối của ông vua nhiều hơn một lần nhìn nhận lỗi lầm, thiếu khả năng hay “sinh bắt

phùng thời” của mình. Ngày 3/10/1878, Philastre nhận xét về Hoàng Nhiệm:

Nhà vua rất cương nghị, rất thất thường, rất dễ giận như bao kẻ bất lực khác, không hề biết kềm hãm quyền bính mình, lại thường làm những điều liều lĩnh và đại dột. (22)

22. CAOM (Aix), Amiraux 12864.

Tháng 11/1878, Philastre lại viết:

[Hoàng Nhiệm] đã đặt niềm vinh dự của riêng ông ở chỗ không đời mới xử sở gì hết, và lý tưởng của ông là để lại cho người kế truyền một đất nước y như tình trạng lên ngôi.(23)

23. CAOM (Aix), Amiraux 12865.

Mấy tháng sau, ngày 4/6/1879, Philastre báo cáo:

[Hoàng Nhiệm] chỉ quan tâm đến việc kéo dài hiện tại, ông không thể làm bất cứ gì cho dân chúng ông. (24)

24. CAOM (Aix), Amiraux 12875.

Sự bất lực trong nỗ lực phục hồi sáu tỉnh miền Nam đã bị xâm chiếm ám ảnh hầu hết khoảng thời gian tỉnh táo giữa những cơn bệnh động kinh của vua. Tháng 3/1879, chẳng hạn, Hoàng Nhiệm còn viết thư hỏi ý kiến Philastre về phương cách ôn hòa để chuộc sáu tỉnh miền Nam. Philastre, từng được Hoàng Nhiệm biệt phái một cử nhân hay chữ tới phụ giúp học chữ Hán và Nôm sau khi thay Rheinart vào tháng 12/1876-1/1877 (25) không trả lời trực tiếp cho vua, mà chỉ xin phép thượng cấp—Tổng trưởng HQ&TĐ de Jauréguiberry—được thông báo cho Hoàng Nhiệm biết chẳng bao giờ có chuyện này. Thống đốc Lafont thì coi thư Hoàng Nhiệm vô nghĩa và cũng không có ý muốn trả lời. Ngày 24/5/1879, khi chuyển cho Ngoại trưởng Waddington lá thư của Hoàng Nhiệm xin trả lại sáu tỉnh miền Nam, de Jauréguiberry đưa ra nhận xét bằng phi Lý Dương Tài và các cánh quân gửi tới đánh dẹp trong hai năm 1878-1879 hình như cố tránh né đụng trận. (26)

25. *DN TLCB*, IV, LVI, 33:1874-1876, 1975:341),

26. MAE (Paris), DD I, (1883), p 108-109; *DN TLCB*, IV, LVI, 33:1874-1876, 1975:341. Theo

một số tác giả Pháp, trong thời gian Lý Dương Tài hoành hành ở miền Bắc, một phái đoàn kỳ hào ở Thanh Hóa tới tham khảo ý kiến Louis Turc, Trú sứ Hải Phòng, về việc tách rời khỏi ảnh hưởng Huế. Turc không đồng ý, nói ủng hộ Hoàng Nhiệm. Ibid., DD I, (1883), p 57?; Delvaux, 1941, p 219.

Tuổi ngày càng lớn, Hoàng Nhiệm cũng có nhiều dấu hiệu suy nhược. Theo chính lời Hoàng Nhiệm, vua thường hay bị bệnh chóng mặt, thân thể gầy ốm, tồn tại được chỉ nhờ thuốc men. Lên ngôi ít lâu, vua thường phải giao cho các Hoàng thân hay đại thần thay mình làm lễ Nam Giao, hay xuất hiện trước đám đông. Vương quốc của vua, bởi thế, không những bị bệnh hoạn tự trong tim (tức là vua), mà còn yếu đuối khắp hình hài (quan chức và binh đội). (27)

27. *DNTLCB*, IV, LXIX, 34:1877-1880, 1976:10-11 [2-3/1877]; XLVI, 32:1870-1873, 1974:200-2 [5-6/1872].

Tháng 4/1870, chẳng hạn, vua đã phải bỏ hẹn một cuộc tiếp kiến sứ giả Espania, khiến sứ giả Espania giận dữ không chịu tiếp các quan Việt và đòi phế bỏ dự thảo hòa ước thương mại giữa hai nước. Cuối cùng, vua phải tiếp kiến sứ Espania, và viết thư riêng cho vua Espania. (28) Cũng có lần, vào tháng 10/1876, vua đột ngột bãi bỏ buổi tiếp kiến Trú sứ Rheinart, khiến Rheinart cực kỳ bất mãn. (29)

28. *CBTD*, XXIII, CB 353:2-9, & 343:204-6, 226-28, 252-53, 282, 285-86.)

29. *CBTD*, XXIX, CB 403:93, 94, 111, 131.

Đôi khi, vua có những quyết định bất thường. Chẳng hạn như vào đầu năm 1869 [2/2/1869], vua muốn đổi quốc hiệu thành Tống để tưởng nhớ quê tổ Tống Sơn ở Thanh Hoá, nhưng các đại thần cực lực chống đối. Chín năm sau, vua lại bàn đến việc đổi quốc hiệu thành "Đại Hưng" hay "Đại Hóa." (30)

30 *CBTD*, XXII, CB 446:25-30; *DNTLCB*, IV, LIX, 34:1877-1880, 1976:110.

Tháng 7/1871, Hoàng Nhiệm bỗng dung cho phổ biến tập *Thập Điều Diển Nghĩa* do chính mình dịch từ

nguyên tác Hán văn *Huấn dịch Thập điều*, sang chữ Nôm, khắc bản đã lâu, nhưng phải tồn kho vì điều khoản 2 của Hòa ước 1862. Việc này khiến Giám mục Puginier ở Kẻ Sở cực kỳ bất mãn. Theo Puginier, 3 trong 10 điều này chống lại đạo Ki-tô. Nhưng Puginier cho rằng đây chỉ là nỗ lực cuối cùng của ác quỷ [*démon*] để ngăn chặn việc truyền giáo trong vương quốc Đại Nam [*"Je pense que c'est un dernier effort de démon pour empêcher la propagandation de la religion dans l'Empire annamite"*].(31) Lý do nào đi nữa, việc này chắc chắn không mang lại lợi ích cho chính sách nghiên rãng nín nhục của Hoàng Nhiệm, để lo xong việc bình định miền Bắc.

31. Thư ngày 20/10/1871; SME 704:221 ; *DNTLCB*, IV, XLIV, 32:1870-1873, 1976 :126.

Từ giữa thập niên 1870, Hoàng Nhiệm hoàn toàn bị cô lập trong hoàng thành. Dù mơ ước chuộc lại 6 tỉnh miền Nam không khỏi dẫn vật giữa những cơn bệnh kinh niên—khiến vua phải mượn việc dân Vân Nam, Quý Châu lần chiếm sáu [6] châu biên giới vào cuối triều Lê để tự an ủi là không dễ lấy lại những lãnh thổ bị ngoại cường xâm chiếm— Hoàng Nhiệm chẳng thể làm được gì hơn ngoài những lời than thở: “*Trẫm vì bạc đức, không biết tính xa, dùng người sai lầm, rất tự thẹn hối.*” (32)

32. *DNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:6-7; XXX, *Ibid.*, 1974:127-28; XXXIX, 31:1866-1869, 1974:267-70 [12/1868-1/1869]; *CMCB*, (Hà Nội: 1998), II:?.

Vì hầu như mọi cánh cửa ngoại giao đều đóng kín, Hoàng Nhiệm chẳng còn lựa chọn nào khác hơn xích lại gần Yên Kinh hơn.

Tưởng nên gọi nhắc, do nhu cầu tiêu phí và hải tặc, sau 11 năm ngừng thông hiếu vì nội loạn tại Trung Hoa (hoãn 3 kỳ đi sứ đình tị, tân dậu và át sửu), năm 1868 Hoàng Nhiệm cử **Lê Tuấn** cùng Nguyễn Tư Giản, Huỳnh Tịnh đi sứ nhà Thanh. (31:225-26, 340) Tháng 3/1873, lại sai **Phan Sĩ Thực**, Hà Văn Quan, Nguyễn Tu đi sứ. (32:279). Tháng 9/1876, đến sứ đoàn **Bùi Ân Niên** (tức Bùi Văn Dị), Lâm Hoàng, Lê Cát (33:301).

Sứ đoàn năm 1876 này khiến các viên chức Pháp đặc biệt quan tâm. Mặc dù Philastre đã thay chữ bảo hộ [protection] bằng chữ bảo trợ [protection, assistance] trong hiệp ước 1874, hầu hết viên chức Pháp đều nghĩ rằng hiệp ước trên, và **Hoà ước thương mại 31/8/1874, giữa Jules Krantz [Kha rằng du ky, hay Bô Giang], Tư lệnh Hải quân Pháp ở Trung Hoa và Nhật, kiêm Thống đốc Nam Kỳ, và Nguyễn Văn Tường—gồm 29 điều khoản; quan trọng nhất là việc bảo đảm tự do giao thương trên sông Hồng và mở các hải cảng cho Pháp buôn bán; hiệu lực chậm nhất từ ngày 15/3/1875 (33)—cùng Qui ước phụ bổ (convention annexe) 23/11/1874 cho hoà ước 31/8/1874. đã trên thực tế cho Pháp quyền bảo hộ phần lãnh thổ còn lại của Đại Nam.**

33. MAE (Paris), *DD I* (1883), pp 10-23; *DNTLCB*, IV, LI, 33: 1874-1876, 1975:78, 82, 87-104.

Ngày 28/10/1876, Duperré yêu cầu Bộ Ngoại giao đòi Bắc kinh cắt đứt mọi liên hệ với VN. Theo Duperré, giống như bất cứ dân Á Đông nào, Hoàng Nhiễm đang tìm cách trì hoãn, chờ ngày đuổi Pháp khỏi Việt Nam. Ngày 30/5/1877, Quận công Decazes, Ngoại trưởng Pháp, chuyển cho Đại sứ Pháp tại Bắc kinh, Tử tước [Vicomte] Brenier de Montmorand, bản sao thư của Duperré ngày 28/10/1876. Ngày 30/9/1877, Brenier de Montmorand trả lời thư của Decazes, phân tích về thái độ triều Thanh, và liên hệ lịch sử, văn hoá giữa hai nước TH và Việt Nam, với hàm ý có nhiều bất lợi hơn hữu ích khi đòi TH tuyên bố nhìn nhận sự độc lập của VN. (34)

34. MAE (Paris). *DD I* (1883), pp 70-3. (Thư này được Tử tước Brenier de Montmorand, Đại sứ Bắc kinh, phân tích trong thư ngày 30/9/1877;

Cơ Sốt Thuộc Địa:

Tuy nhiên, vào cuối thập niên 1870, cơn sốt thuộc địa lan tràn khắp Âu châu nói riêng, và Tây phương nói chung. Tại Pháp, "đảng thuộc địa" ngày một nhiều ảnh hưởng. Người giương cao ngọn cờ thuộc địa và "sự vĩ đại" của đế quốc Pháp này gồm những nhân vật danh tiếng như Léon Gambetta, Jules Ferry, Francois Felix-Faure, Jean Bernard de Jauréguiberry v.. v... Sau lưng

họ có các nhà truyền giáo, với giấc mộng bắt Hoàng Nhiệm phải trả món nợ máu, và mở rộng “nước Chúa.” Khí thế chính nghĩa thuộc địa còn được báo chí và một số tác giả như Jean Dupuis hâm nóng dư luận. Từ *République française* của Gambetta, chẳng hạn, lưu ý độc giả rằng sự “bỏ quên” của chế độ quân chủ khiến Pháp không những mất đi Canada, mà cả bán lục địa India, nơi Duplessi đã thám hiểm trước khi Clive và Warren Hastings đặt xuống nền tảng sự thống trị của Bri-tên. Báo chí Pháp ngữ ở Sài Gòn cũng hô hào và cổ vũ phải chiếm Bắc Kỳ. (35)

35. Thư ngày 3/1/1880, Vilers gửi Jauréguiberry; MAE (Paris), *DD I*, (1883), p 132; US Department of State Archives, National Archives (Washington, DC), Bangkok Consular Dispatches, No. 9, 10 September 1880; dẫn trong Robert H. Miller, *The United States and Vietnam 1787-1941* (Washington, DC: National Defense Univ. Press, 1990), tr. 81. Sẽ dẫn: Miller 1990.

Nhiều hơn một tác giả Pháp nhận định rằng việc xâm chiếm thuộc địa là vấn đề sinh tồn của nước Pháp, vì không có thuộc địa—nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhân lực rẻ, và thị trường tiêu dùng—nước Pháp chẳng có thể đứng nào bên cạnh những cường quốc như Nga, Germany, Bri-tên, Liên bang Mỹ, và ngay cả Trung Hoa. Trong cơn sốt “thuộc địa” “vinh quang” này, Gambetta tuyên bố: “Bắc Kỳ, đó là tương lai đích thực của nước Pháp!” [*Le Tonkin, voilà l'avenir véritable de la France.*]

Jules Ferry, từ tiền đề chủ nghĩa thực dân là con đẻ của sự kỹ nghệ hoá, đi đến kết từ cho một tam đoạn luận rằng không có thuộc địa, nền kỹ nghệ Pháp sẽ thất bại. Thêm nữa, thuộc địa cho phép Pháp tham dự vào cuộc phân chia thế giới và truyền bá văn minh Đại Pháp tới những xứ mọi rợ da màu. (36)

36. F. Pisani-Ferry, *Jules Ferry et le partage du monde* (Paris: 1962), pp 147-222

Kết luận dĩ nhiên là để bảo đảm chủ quyền thuộc địa của Pháp tại Nam Kỳ, cần thiết lập chế độ bảo hộ trên phần đất còn lại của Đại Nam, tức Trung và Bắc Kỳ. Mục tiêu “bảo hộ” (*protectorat*) này đã bị Paul

Philastre gạch bỏ trong Hoà ước 1874, thay bằng tiếng "protection" [bảo vệ] quá mơ hồ trên phương diện công pháp quốc tế. Như một hệ luận, những người như Philastre trở thành *persona non grata*. Mặc dù, trên thực tế, Philastre chỉ thủ diễn vai trò "Ông Thiện" trong bi hài kịch xâm lược thiên hạ. Cá nhân Philastre chẳng trọng vọng gì Hoàng Nhiệm.

Dù cùng đồng ý phải thiết lập nền bảo hộ ở miền Bắc, các chính khách Pháp chia làm hai khuynh hướng dị biệt. Một phe, như Bộ trưởng Hải Quân de Jauréguiberry, muốn dung hòng sung và lười lê khai sinh thuộc địa. Phe khác, đại diện là Bộ trưởng Ngoại Giao Charles de Freycinet, muốn thuyết phục Hoàng Nhiệm ký một hiệp ước mới, chấp thuận Pháp bảo hộ Bắc và Trung Kỳ.

Từ năm 1879, tại Pháp và Nam Kỳ, những phần tử chủ chiến lại bắt đầu nghĩ đến việc mở rộng vùng đất chiếm đóng. Cầm đầu nhóm này là Đô Đốc Bernard de Jauréguiberry, tân Bộ trưởng Hải quân & Thuộc địa (2/1879-9/1880), và Louis Pothuau (12/1877-2/1879, 9/1880-11/1881), người tiền nhiệm và cũng người kế vị Jauréguiberry.

Mối quan tâm hàng đầu của các giới chức Pháp vẫn là liên hệ "truyền thống" giữa Huế và Yên Kinh, cũng như Bắc Kỳ với Lương Quảng và Vân Nam.

Như đổ dầu vào lửa, ngày 17/12/1878, sau khi nhận được quốc thư của Hoàng Nhiệm dự thảo ngày 19/10/1878 gửi Tổng đốc Lương Quảng và Đề đốc Quảng Tây về việc liên minh trừ phi, Tổng Lý Nha Môn thông báo với Paris quyết định sẽ lại can thiệp vào việc dẹp phi tại Bắc Kỳ. Ngày 26/12/1878, Ngoại trưởng Waddington thông báo là TH sẽ đưa quân vào Lạng Sơn và hoạt động tới sông Thương. Tháng 3-4/1879, Phùng Tử Tài mang quân sang Hưng Hóa đánh phi Cao Thập Nhị. Trương Quang Đản xin cử người lo việc vận tải lương và súng đạn. (37)

37. *DNTLCB*, IV, LXI, 34:1877-1880, 1976:213.

Hiển nhiên, dẫu óc không đủ tha mình óc, triều đình Thanh—nhất là những nhân vật quyền thế ở Lương Quảng và Vân Nam, chủ nhân của kế hoạch có thể

mệnh danh là “Đường Tơ Lụa Biển Thế Kỷ XIX”—tiêu biểu với sự thành lập Luân Thuyền Chiêu Thương Cục với Đường Đình Canh làm đạo đài, và lực lượng bộ binh sát biên giới—đã được tang cường với súng đạn khá tối tân mua của Liên Bang Mỹ, cùng lời hứa sẽ bảo vệ, che chở cho quyền lợi nhà Thanh của chính phủ Mỹ—khiến nhóm Lý Hồng Chương và Trương Thụ Thanh, cùng những thay thôi bề thực dân “Trung Quốc” như Từ Diên Húc, Đường Cảnh Tùng, v.. v.. —quyết định thử thời vận với Pháp, cường quốc hạng nhì của Âu Mỹ, từng bại trận nhục nhã trước quân Phổ, phải cắt đất Alsace-Lorraine cho Phổ. Bởi vậy, trong khi Đặc sứ Tăng Kỳ Trạch ở châu Âu muốn phô trương vai trò Thiên tử, làm chủ thiên hạ—ít nhất là tại Á Châu và Đông Nam Á—Lý Hồng Chương muốn thảo luận tay đôi [song phương] với Pháp hầu chia chác nhau xứ Bắc Kỳ, đã được các giáo sĩ Ki-tô tung tin là một xứ tự chủ, bị An Nam của họ Nguyễn chiếm đóng và bóc lột từ đầu thế kỷ XIX. Tác giả tuyên tập truyện cổ tích mạo danh là “lịch sử” [histoire anamite] Petrus Ký—tung hứng cùng nhóm Constantin, Pène-Siefert, và Paulus Thy—rao bán “giải pháp” Bắc Kỳ biển tự trị, với thủ đô là đảo Cát Bà thay vì Hải Phòng sứ (Ninh Hải). Tổng đốc Phạm Phú Thứ báo cáo tin mật trên về “Lê Gia Hưng” cùng với Tôn Thất Phan, nên bị Louis Turc và các giáo sĩ lên án là chống Pháp, rồi buộc vào tội dung túng cháu họ chớ trộm gạo về Quảng Nam—bị cách chức. Tân Tổng đốc Hải Yên Lê Điều muốn lưu giữ Phạm Phú Thứ, nhưng vì áp lực Pháp, nên phải về kinh rồi chết trong tủ nhục sau bao năm dài phục vụ một ông vua bệnh hoạn, nhưng đạo đức giả theo kiểu hát bội—lúc nào cũng đưa cao lưỡi gươm “quan tướng phải sống thác theo thành,” hay phải biết “khéo xử” với giặc cướp nước “Tây dương,” hoặc thổ phỉ, hải tặc và quân lính Trung Hoa. Sau đó, ứa nước mắt đưa ra những cái kẹo nhỏ nhỏ để chuộc lỗi. (38)

38. *ĐNTLCB*, IV, LXIX, 34:1877-1880, 1976:364-365 [tháng 8-9/1880, không cho vào châu]; LXV, 35:1881-1883, 1976:13 [giáng chức tội **hoang báo, dọa nạt triều đình**], 18, LXVI, 35:1881-1883, 1976: 88 [truy phục hàm Hiệp biện Đại học sĩ].

Suốt năm 1878, Paris cũng cực kỳ lo ngại về việc Hường Nhiệm mời quân Thanh vào tiếp tay dẹp thổ phỉ Lý Dương Tài. Mặc dù Lý Dương Tài tự xưng họ Lý, đa số thuộc hạ là người Hoa, và chính Tài cũng từng mang lon Thiếu tướng của quân đội Thanh. Tổng đốc Lương Quảng đưa quân qua đánh dẹp Tài khiến Pháp phải nêu lên vấn nạn ngoại giao quốc tế—ai là cường quốc bảo vệ Đại Nam, Pháp hay Trung Hoa? Thái độ của Tổng lý Nha môn Thanh không rõ rệt về vấn đề này. Đó là chưa kể sự phát triển ảnh hưởng của Bri-tên vào Vân Nam, và những lời uớm hời của Thủ tướng Bismark về Bắc Kỳ.(39) Paris không thể không quan tâm đến việc Bri-tên, Italia, Germany và Espania muốn giao thiệp trực tiếp với triều đình Huế.

39. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 38, pp 373-6; Nguyễn Xuân Thọ 1994, tr.206-7.

Sự khám phá ra các mỏ than và kim loại ở miền Bắc, và sự thành lập Công ty Mỏ Đông Dương (*Compagnie des Mines de l'Indochine*) ở Paris, cùng Ngân Hàng Đông Dương [*Banque de l'Indochine, BIC*—một tổ hợp tài chính thành hình năm 1875, được độc quyền phát hành tiền tệ cho Đông Dương thuộc Pháp, *la piastre* [đồng], và cũng đồng thời là phát ngân viên của thuộc địa mới(40)—đóng góp những yếu tố quan trọng cho chính sách Bắc Kỳ của Pháp, từ Paris tới Sài Gòn. Tư bản và thương gia Pháp không muốn thấy người Hoa tiếp tục thống trị kinh tế Đại Nam, và cảm thấy cần khai thác các mỏ than và kim loại ở miền Bắc càng sớm càng tốt.

40. CAOM (Aix), Services économiques, Generalites [SE], Cartons 157-158, 164, 168, 183, 296-8, 313, 314-321, 744, và *Ibid.*, Credit. Xem thêm Henri Baudoin, *La Banque de l'Indochine* (Paris: Pedone, 1903); Andre Laurent, *La Banque de l'Indochine et la piastre* (Paris: Deux Rives, 1954); Martin J Murray, *The Development of Capitalism in Colonial Indochina (1870-1940)* (Berkeley: Univ of California Press, 1980), pp 113-17, 132-54.

Trong số những công ty quan trọng nhất liên hệ với NHDD có Hiệp Hội Các Nhà Trồng Cao Su Đông Dương [the Indochinese Society of Rubber Planters, *SIPH*], Công Ty Nước và Điện Đông Dương [the Indochina Company of Water and Electricity, *CEEI*] và Hiệp Hội Chế Rượu Đông Dương [the Distillery Society of Indochina, *SFDI*]. Công ty Than Đá Đông Triều [The Dong Trieu Coal Company] và Công Ty Than Bắc Kỳ [the Tonkin Coal Company] độc quyền khai thác ở Tây Bắc Bắc Kỳ. Về quặng mỏ, Công ty Mỏ Đông Dương chuyên về khai thác chì và thiếc [the Indochina Mining and Metallurgic Company], và một số công ty khai thác phốt-phát, xi-măng. Về nông sản kỹ nghệ, hai ngành quan trọng nhất là cao su và trà/cà-phê. Riêng về gạo, Hoa Kiều hầu như độc quyền thu mua và xuất cảng.

Thời gian này, mặc dù triều đình Huế đã đồng ý cho tự do thông thương trên sông Hồng, rất ít tàu bè Pháp qua lại. Hoa thương tiếp tục nắm độc quyền việc buôn bán ở Bắc, kể cả việc cung cấp gạo, than đá và kim loại cho trung tâm thương mại đang phát triển mạnh của Briten ở hướng Bắc là Hong Kong. Một đợt di dân mới của người Hoa khiến hải cảng đang thành hình Hải Phòng, tức Cửa Cấm, nơi đặt trạm thu thuế của Pháp, trở nên khu vực tập trung đông Hoa kiều nhất miền Bắc. Trong khi đó, việc giao thương trên sông Hồng cũng do người Hoa kiểm soát, và thu thuế—nhưng là một loại người Hoa khác: *Giặc Cờ Đen* của Lưu Vĩnh Phúc, —lúc này đã được Hoàng Nhiệm “vỗ nuôi hơn 10 năm, mật phong làm “Phó Đề đốc”—trấn thủ ở Bảo Thắng, với khoảng 1,500 thuộc hạ.(2) Paris đặc biệt lưu tâm đến quân Cờ Đen vì chưa ai quên cái chết của Garnier cuối năm 1873, và vào cuối thập niên 1870, đầu thập niên 1880, Garnier bỗng trở thành một thứ “thánh tử đạo” thuộc địa. Đó là chưa kể quân Cờ Đen có lần gây khó dễ cho Lãnh sự Hà Nội từ tháng 9/1875, Hải quân Trung tá Alexandre le Jumau, tức Bá tước de Kergaradec [Kê-la-đích] (1837-1902), khi đại diện Pháp đi thăm thú tình hình. (41)

41. *DNTLCB*, IV, LIII, 33:1874-1876, 1975:202, & LVII, 34:1877-1880, 1976:29-32 [tháng 4-5/1877, hơn 1,000 Cờ Đen ở Bảo Thắng].

Mùa Xuân năm 1881, Yên Kinh không những chính thức xác nhận và đòi quyền “bảo hộ” hay thượng quốc [*suzeraineté*] của Trung Hoa trên toàn cõi Đại Nam, mà còn mở rộng hơn liên hệ kinh tế. Qua thư giới thiệu của Lý Hồng Chương và Trương Thụ Thanh, Hường Nhiệm cho Đường Đình Canh [Tang Ting-jing], đạo đài [giám đốc] công ty *Luân thuyền Chiêu thương cục* [*China Merchant Steamer Navigation Company*], chuyên chở gạo thuê từ Hải-phòng sứ Hải Dương vào Thuận An, bắt đầu từ năm 1882.(42)

42. ĐNTLCB, IV, LXV, 35:1881-1883, 1976:20-1, LXVI, 35:1881-1883, 1976:54-5, 89-91.

II. LE MYRE DE VILERS (7/1879-1/1883):

Ngày 7/7/1879, Le Myre de Vilers (1833-1918) trở thành Thống đốc dân sự đầu tiên tại Nam Kỳ. Nhiệm kỳ của Le Myre de Vilers chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, từ tháng 7/1879 tới 1881, và giai đoạn 2, từ 1881 tới tháng 1/1883.

A. GIAI ĐOẠN 1879-1881:

Là Thống đốc dân sự đầu tiên ở Sài Gòn, sự hiện diện của de Vilers mang ý nghĩa giai đoạn chinh phục đã chấm dứt, và giai đoạn phát triển kinh tế thuộc địa mở đầu.

1. Nam Kỳ:

Trong hơn một năm đầu ở Sài Gòn, Le Myre de Vilers tập trung vào việc thiết đặt những nền móng “văn trị,” tức Pháp hóa thuộc địa ở góc Đông Nam của đại lục Á Châu. Một trong những việc quan trọng nhất là sao chép những định chế pháp luật của nước Pháp. Bộ luật gọi là “luật Gia Long” mà Aubaret và Philastre dày công chuyển dịch sang tiếng Pháp bị thay thế bằng luật hình sự Pháp.

Le Myre de Vilers còn giới thiệu vào Nam Kỳ việc bầu cử trực hay gián tiếp các đại biểu Hội đồng tư vấn cho toàn Nam Kỳ, được biết như Hội đồng Quản Hạt [Conseil Colonial] có trách nhiệm tư vấn về vấn đề y tế, thuế, và giáo dục. Hội đồng Quản Hạt được khai sinh do sắc lệnh của Tổng thống Grévy ngày 8/2/1880, phỏng theo các Hội đồng hàng tỉnh Pháp. Gồm 2 thành viên do

Thông đốc chỉ định, 6 thành viên Pháp, 6 Việt. Đại biểu Pháp bầu theo lối trực tiếp, trong khi dân bản xứ bầu theo lối gián tiếp. Thành tích khiến Le Myre de Vilers hãnh diện nhất là gửi được một đại diện của Nam Kỳ vào Quốc Hội. Ngày 26/11/1881, Luật sư **Jean Blancsubé**, chủ tịch Hội đồng tư vấn, trở thành dân biểu đầu tiên của Nam Kỳ, cho tới khi chết năm 1888.

Ngày 12/5/1882, Le Myre de Vilers khai sinh thêm hội đồng hàng tỉnh, gồm toàn người Việt, chịu trách nhiệm ngân sách địa phương. Sử gia Pháp thường gọi chính sách của Le Myre de Vilers là “đồng hóa liên lũy;” như một đối ứng của chính sách “hợp tác.” Nó trở thành nền móng của sinh hoạt chính trị Nam Kỳ, kéo dài tới năm 1949. Bên cạnh những “Hội Đồng” đại diện chủ của mười hai tỉnh Nam Kỳ, từ thập niên 1920 xuất hiện những trí thức trẻ chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp và Âu Châu tìm đường tiến thân qua những cuộc tranh cử hai loại nghị viện trên, như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Dương Văn Giáo, v.. v... Ngoài ra, từ thập niên 1890, Nam Kỳ nhập cảng những mảnh vụn văn hóa khác từ Pháp, như trường học công và tư, báo chí, cùng giai tầng thị dân từ bốn phương tìm về làm quen với nước máy, đèn điện. Tư bản và những hòng lười lê, đại pháo Pháp cũng biến đổi nền kinh tế tự túc, tiểu nông nghiệp trung cổ thành nền kinh tế thị trường—xuất cảng nông sản và tài nguyên thô, trao đổi lấy những hàng hóa tiêu dùng từ mẫu quốc, hay Trung Hoa.

2. Bắc và Trung Kỳ:

Đối với triều Nguyễn, de Vilers nhận được chỉ thị tương tự như Lafont—đó là thận trọng nghiên cứu tình hình miền Bắc, hầu có một quyết định dứt khoát là nên thiết lập chế độ **bảo hộ kiểm soát** [*protectorat de controle*] hay **bảo hộ trực tiếp** [*protectorat directe*]. Bảo hộ kiểm soát có nghĩa sẽ rút bớt các toán lính gác ở các tòa lãnh sự, trao trả cho quan Nguyễn quyền thu thuế ở các hải cảng, và bảo đảm rằng Huế tôn trọng những ưu quyền cho giáo dân. Bảo hộ trực tiếp là tăng cường sự hiện diện của quân đội Pháp tại miền Bắc, chịu trách nhiệm việc tảo thanh hải tặc và thổ phi, hầu ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Hoa cũng như những cường quốc khác. Paris sẽ có những quyết định cuối cùng. Hai chế

độ này cũng liên hệ với hai chính sách hợp tác [*collaboration*] và đồng hóa [*assimilation*].

Là một công chức thuộc địa cao cấp, de Vilers nghiêng về phía bành trướng ra Bắc. Vừa đả nhậm nhiệm sở, de Vilers đã chấp thuận đơn xin từ chức của Philastre vì, theo de Vilers, sau một thời gian quá dài tại Huế, Philastre đã bị ảnh hưởng tai hại của nền văn minh và con người xứ An-Nam.⁽⁴¹⁾ Rheinart được cử ra thay. Nhưng vừa trở lại Huế, Rheinart đã gặp những phản ứng thù nghịch của các quan chức Việt. Không những bị cô lập hoàn toàn, quan chức Việt còn tìm cách hạ nhục Rheinart. Nhân dịp Rheinart cùng một y sĩ tới chữa bệnh cho một nhà truyền giáo trở về, tới vùng Kim Long thì bị quan binh Nguyễn bắt xuống bộ, đi vòng đường ruộng, vì Hường Nhiệm đang câu cá gần đó. Tuy nhiên, Waddington cho rằng Rheinart đã có những thái độ quá đáng, và cần phải biết tự chế. Rheinart đành ngậm bồ hòn làm ngọt, tìm cách móc nối với những nhân vật trong Hoàng tộc, chuẩn bị thay thế Hường Nhiệm. Người được Rheinart đặc biệt chú ý là Hoàng tử Ứng Chon, con nuôi cả của Hường Nhiệm, thường được gọi là Dục Đức.

41. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 38, p 325.

Vì Paris đã nghiêng về chủ trương mở rộng ảnh hưởng ra Bắc, de Vilers được giao nhiệm vụ cung cấp "đạn" cho chính phủ "bắn"—hay nói cách khác, tìm một lý do chính đáng hoặc có tính cách thuyết phục dư luận để có thể đặt chân ra đất Bắc. Bởi thế, chỉ một thời gian ngắn sau khi tới Sài Gòn, de Vilers lại nêu ra vấn đề Bắc Kỳ, và yêu cầu Paris có một thái độ rõ ràng. Hơn ba tháng sau, ngày 21/10, nhân cơ hội Hường Nhiệm muốn cử một phái đoàn qua chúc mừng tân Tổng Thống Grévy, de Vilers đề nghị Paris sẽ giải quyết cùng sứ đoàn này mọi trở ngại và làm sang tỏ những điểm mù mờ của Hiệp ước 15/3/1874 cùng hai phụ bản thương mại về chủ quyền Pháp. ⁽⁴²⁾ Waddington đồng ý, nhưng đầu năm 1880, chính phủ bị đổ. Charles de Freycinet lên thay Waddington nắm Bộ Ngoại giao. De Jauréguiberry bèn đề nghị không nên tiếp sứ đoàn Việt cho tới lúc Hường Nhiệm long trọng nhìn nhận quyền bảo hộ của Pháp. ⁽⁴³⁾

42. Thư ngày 21/10/1879, Vilers gửi Jauréguiberry; MAE (Paris), *DD I*, pp 125-26.

43. Thư ngày 3/1/1880, Jauréguiberry gửi Freycinet; *Ibid.*, p 136.

Ngày 24/1/1880, de Vilers lại đề nghị Paris phải hành động cấp tốc vì Hường Nhiệm, bên cạnh những mưu đồ khác, đang chuẩn bị binh lực. (44) Từ Yên Kinh, Đại sứ Jules Patenôtre cũng bày tỏ sự lo ngại về liên hệ giữa nhà Thanh với Huế. Theo Patenôtre, nhân dịp hành quyết Lý Dương Tài ở Quảng Tây, chính phủ Quang Tự (1875-1908) đã tìm cách tuyên dương quan hệ chư hầu và thượng quốc truyền thống giữa Đại Nam với Trung Hoa. Tình trạng này khó thể kéo dài. (45)

45. Thư ngày 25/12/1879, Patenôtre gửi Waddington, Thư ngày 29/1/1880, Patenôtre gửi Freycinet; *Ibid.*, pp 133-45.

Ngày 18/7/1880, Le Myre de Vilers đã tìm được nguyên cớ cho Pháp "biểu dương lực lượng": Đó là triều đình Huế mới ra lệnh đánh đòn tất cả những người làm bạc giả, kể cả người Âu. Nhận được báo cáo của de Vilers, de Jauréguiberry tức khắc phản kháng, đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ Pháp kiều. Do de Jauréguiberry yêu cầu, ngày 26/7, Ngoại trưởng de Freycinet đồng ý tăng viện Bắc Kỳ, nhưng chưa kịp thi hành thì chính phủ lại đã bị đổ. (46)

46. *Ibid.*, pp 155-56.

Ngày 23/9/1880, Jules Ferry lên làm Thủ tướng [lần thứ nhất, tới 4/11/1881]. Đô Đốc Cloué thay Jauréguiberry ở Bộ HQ & TĐ. Trong khi chờ đợi Cloué đáo nhậm nhiệm sở, Phó Đô Đốc Peyron xử lý thường vụ. Ngày 29/10/1880, Ngoại trưởng Barthélemy Saint-Hilaire yêu cầu BT HQ&TĐ Cloué nghiên cứu đánh Bắc Việt, nhưng Cloué không đồng ý. (47)

47. *Ibid.*, pp 157-58.

Ngày 27/12/1880, Ngoại trưởng Pháp, Barthélemy St Hilaire viết thư khẳng định với Tăng Kỳ Trạch rằng Pháp có những bồn phận và trách nhiệm với Đại Nam, một nước độc lập, theo điều 2 của Hòa ước 1874.(48) Thư này được giao cho Trạch tại St Petersburg ngày

7/1/1881, đồng thời chuyển cho Tổng lý Nha môn qua Đại sứ Bourée [Bảo Hải] ở Bắc Kinh.

48. Thư ngày 27/12/1880, St-Hilaire gửi Tăng; Ibid., pp 164-165)

Trong buổi nói chuyện với đại diện Pháp ở St Peterburg, Trạch ngụ ý là Trung Hoa sẽ không phản ứng nếu Pháp chiếm thêm miền Trung Việt Nam, nhưng việc tiến ra Bắc Kỳ sẽ tạo nên mối lo cho Trung Hoa, vì xứ này tiếp giáp với Hoa Nam, vốn là chư hầu của Yên Kinh. Ngoại trưởng Pháp chỉ thị cho đại diện ở Nga, nếu có cơ hội, **bảo thẳng Trạch rằng từ năm 1874, toàn cõi Đại Nam, kể cả Bắc Kỳ, đã cắt đứt mọi liên hệ với nước khác, ngoại trừ Pháp.** (49)

49. Thư ngày 8/1/1881, Chanzy gửi St Hilaire, và thư ngày 21/1/1881, St Hilaire gửi Chanzy; Ibid., tr. 167-69, 170-71. Ngày 24/9/1881, Tăng Khải Trạch lại gửi thư cho St Hilaire; nhưng mãi tới ngày 1/1/1882, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Gambetta mới hồi âm, lập lại những nguyên tắc cơ bản trong thư ngày 27/12/1880; Ibid., (1883), pp 195-196.

Đề tiếp đạn cho Paris, trước khi về nước điều trần, ngày 7/1/1881, Le Myre de Vilers báo cáo rằng một chiến hạm Thanh xuất hiện ngoài khơi Hải Phòng sau khi một *canot* Pháp bắt giữ một tàu cướp biển người Hoa, đồng thời than phiền về sự khiếm khuyết của Hiệp ước 1874 và nhu cầu tăng viện Bắc Kỳ.(50)

50. Thư ngày 19/2/1881, Cloué gửi Barthélemy, và thư ngày 7/1/1881, Vilers gửi Cloué; Ibid., (1883), pp 172-74.

De Vilers cũng thuyết phục Bộ trưởng Hải Quân và Thuộc địa Cloué rằng bất cứ nhân nhượng nào với Trung Hoa đều khiến Pháp bị mất mặt và chứng tỏ sự yếu kém của Pháp. Bởi thế, ngày 15/4/1881, Cloué yêu cầu Bộ Ngoại Giao ủng hộ một ngân khoản dành riêng cho Bắc Kỳ. (51)

51. Thư ngày 15/4/1881, Cloué gửi St Hilaire; Ibid., (1883), pp 181-82)

Trong khi đó, đại sứ Bourée [Bảo Hải] tại Yên Kinh, cũng báo động về việc *Công báo Yên Kinh* loan

tin Hường Nhiệm sẽ gửi một sứ đoàn qua Trung Hoa, một hành động mà theo Bourée vi phạm trắng trợn hiệp ước 1874. Theo Bourée, sứ đoàn Nguyễn—do Nguyễn Thuật cầm đầu—**không thuần túy có tính cách nghị lễ truyền thông giữa hai nước, mà còn có một sứ mệnh mật nào đó.** (52)

52. Ngày 27/12/1880, Bourée gửi Bộ trưởng; Ibid., (1883), pp 176-79.

3. Phản ứng của nhà Thanh:

Nhà Thanh, dĩ nhiên, không dễ quay mặt làm ngo trước những hành động xâm lấn và khuynh đảo của Pháp tại Việt Nam. Từ năm 1875-1876, Tổng Lý Nha Môn không ngừng tuyên bố chủ quyền thượng quốc tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, hiểu rõ thế yếu quân sự của mình, vua quan Thanh—triều Mục Tông và Quang Tự—chọn thái độ chờ đợi và quan sát. Nói theo Lý Hồng Chương, không thể thắng bằng quân sự thì dùng lý lẽ để biện giải, hy vọng sẽ đạt được kết quả tốt. Số vốn “bá quyền thượng quốc” có thể giúp Trung Hoa kiểm được một số quyền lợi về đất đai Việt Nam.

Thực ra, nhà Thanh cũng đang lâm cảnh “óc không mang nổi mình óc.” Từ ngày 25/5/1875, Đại biện Pháp ở Yên kinh đã yêu cầu Trung Hoa rút quân khỏi Bắc Việt. Ngày 15/6/1875, Đại sứ Thanh tại Âu châu trả lời Paris rằng Yên Kinh không thể từ chối sự bảo vệ và giúp đỡ một chư hầu [vassal] của mình, vì Huế đã nhiều lần xin Thanh binh vào Bắc Việt dẹp phi. (DDI:71).

Cuộc tranh chấp về chủ quyền thượng quốc tại Đại Nam kéo dài; nhưng Pháp không đánh giá cao Trung Hoa. Và, trên thực tế, rồi sẽ nhân cơ hội tranh chấp tại Bắc Kỳ, hủy diệt quan hệ ngoại giao “thông hiếu” giữa Bắc Kinh với Huế, và ngay cả Cấm Bốt hay Vạn Tượng.

Trong khi đó, quan tướng địa phương Thanh coi việc “ra ngoài cửa quan” đánh phi như cơ hội trục lợi, kể cả dịch vụ buôn thuốc phiện lậu và nô lệ người Việt. Bởi thế, những đạo Thanh binh diệt phi vừa rút về, phi cũ phi mới đua nhau xuất hiện. (53)

53. *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1974:304; LXIII, 34:1877-1880, 1976:350, 351, 362, 364, 369, 370, 380-381.

Năm 1878, nhân dịp Lý Dương Tài, một cựu Thống chế Thanh, dẫn khoảng 10 doanh phi tràn qua biên giới, Phùng Tử Tài lại đích thân mang 26 doanh quân ra cửa quan đánh dẹp. Hơn một năm sau, Đề đốc Quảng Tây rút đại quân về nước, chỉ để lại 5 doanh ở Cao Bằng-Lạng Sơn, mượn tiếng diệt phi, nhưng thâm tâm muốn bảo vệ phen dậu phía Nam và Tây Nam. Pháp cũng chuẩn bị thực hiện kế hoạch thôn tính Bắc Kỳ—vừa bảo đảm an ninh sông Hồng, vừa bẻ gãy âm mưu can thiệp của Yên Kinh.

Khi biết Pháp bắt đầu tiến ra Bắc, Tổng lý Nha Môn thêm một lần minh định quyền thượng quốc của mình. Ngày 25/1/1880, Đại sứ Thanh ở châu Âu là Tăng Khải Trạch nhận lệnh xin yết kiến Ngoại trưởng de Freycinet, khẳng định chủ quyền "thượng quốc" của Trung Hoa tại Việt Nam. De Freycinet, theo Trạch, cho rằng những liên hệ ấy không gây trở ngại gì cho Pháp. Tuy nhiên, sang mùa Hè và mùa Thu 1880, tin đồn Pháp sẽ gửi quân ra Bắc khiến Yên Kinh bất an. Ngày 10/11/1880, từ St Petersburg, Trạch viết thư cho Ngoại trưởng Pháp, Barthélemy St Hilaire, yêu cầu Paris minh định lập trường. (54)

54. Thư ngày 10/11/1880, Tăng Kỳ Trạch gửi Barthélemy St Hilaire; Ibid., (1883), pp 158-59.

Ngoại trưởng Pháp chỉ thị cho đại diện ở Pháp ở St Peterburg, nếu có cơ hội, trả lời Trạch rằng từ năm 1874, toàn cõi Đại Nam, kể cả Bắc Kỳ, cắt đứt mọi liên hệ với các nước khác, ngoại trừ Pháp. (55) Ngày 24/9/1881, Tăng Khải Trạch lại gửi thư cho St Hilaire; nhưng mãi tới ngày 1/1/1882, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Léon Gambetta mới hồi âm, lập lại những nguyên tắc cơ bản trong thư ngày 27/12/1880. (56)

55. Thư ngày 8/1/1881, Chanzy gửi St Hilaire, và thư ngày 21/1/1881, St Hilaire gửi Chanzy; Ibid., (1883), pp 167-69, 170-71.

56. Ibid., (1883), pp195-96.

Ngày 7/1/1881, de Vilers đã báo cáo sự có mặt của pháo hạm Thanh ngoài khơi Hải Phòng sau khi một *canot* Pháp bắt giữ một tàu cướp biển người Hoa; đồng thời than phiền về sự khiếm khuyết của Hiệp ước 1874 và nhu cầu tăng viện Bắc Kỳ. De Vilers cũng thuyết

phục Cloué rằng bất cứ nhân nhượng nào với Trung Hoa cũng khiến Pháp bị mất mặt và chứng tỏ sự yếu kém của Pháp. Bởi thế, ngày 15/4/1881, Cloué yêu cầu Bộ Ngoại Giao ủng hộ ngân khoản dành riêng cho Bắc Kỳ. (57) Trong khi đó, Bourée, tân đại sứ Pháp tại Yên Kinh, báo động về việc *Công báo Yên Kinh* loan tin Hường Nhiệm sẽ gửi một sứ đoàn qua Trung Hoa, một hành động mà theo cả Bourée lẫn Saint-Hilaire vi phạm trắng trợn hiệp ước 1874. (58)

57. Thư ngày 19/2/1881, Cloué gửi Barthélemy, thư ngày 7/1/1881, Vilers gửi Cloué; Thư ngày 15/4/1881, Cloué gửi St Hilaire; Ibid., (1883), pp 172-74, 181-82.

58. Thư ngày 27/12/1880, St-Hilaire gửi Tăng; Ibid., (1883), pp 164-65; Thư ngày 27/12/1880, Bourée gửi Bộ trưởng; Ibid., pp 176-79;

Hạ bán thế kỷ XIX, nhà Thanh cũng đang lâm cảnh “ốc không tha nổi mình ốc.” Cường quốc Âu châu liên tiếp biểu dương vũ lực, bắt Yên Kinh đi từ nhân nhượng này sang nhân nhượng khác—từ tôn trọng quyền tự do hút thuốc phiện cho tới quyền tự do tôn giáo của dân Trung Hoa. Mỗi lần các cường quốc ra tay, nhà Thanh lại phải ký thêm một vài hiệp ước đa phương hay song phương, cắt nhượng các hải cảng với quyền tài phán và vớt vát trả tiền bồi thường chiến phí. Nhật Bản, một thế lực đang lên, cũng dạy dỗ nhà Thanh và Hán tộc những bài học sức mạnh mà Trung Hoa giữ độc quyền suốt hàng ngàn năm.

Dẫu vậy, Trung Hoa vẫn còn là một nước lớn, dân đông (trên 300 triệu), tài nguyên dồi dào. Tại những địa phương tiếp giáp Việt Nam—đặc biệt là Vân Nam và Lưỡng Quảng—quan chức Thanh vẫn nuôi tham vọng bành trướng lãnh thổ. Từ triều Minh sang triều Thanh, Việt Nam đã mất nhiều đất biên giới—vùng đất rừng núi, khí hậu độc hại, dân cư thưa thớt, chia nhau sinh sống ở những đồng bằng nhỏ hẹp, hay trên những cao độ khác nhau. Dân H’Mong (tức Miêu hay Mèo) thường sống ở cao độ 3000 feet, nông phẩm chính sản xuất là thuốc phiện, trong khi dân Thái, Tày (hay Thổ) sống ở chân núi, thiên về nghề nông, đặc biệt là gạo nếp.

Từ cuối thập niên 1860, quan quân Thanh nhiều lần qua Bắc Kỳ giúp đánh dẹp thổ phỉ hay hải tặc từ Trung

Hoa tràn sang—giặc Hồi ở Vân Nam, tới tàn dư *Thái Bình Thiên Quốc* của Hồng Tú Toàn ở Quảng Tây.

Năm 1869-1870, chẳng hạn, Đề đốc Phùng Tử Tài mang 22 doanh quân Quảng Tây vượt biên, võ về được khoảng 10,000 thổ phi; trong khi Ngô Côn, tức Á Trung, lộng hành như chỗ không người, cho đến khi bị lạc đạn chết khi vây hãm Bắc Ninh. Mang danh nghĩa cứu trợ vua Nguyễn—được Hoàng Nhiệm ghi tâm khắc cốt như “tình lán giềng” cao quý, những Phùng Tử Tài, Từ Diên Húc v.. v.. thực ra vừa võ nuôi, vừa đánh đuổi thổ phi, dồn chúng, vào những vùng ma thiêng nước độc. Bởi thế, mỗi lần quân Thanh rút vào trong cửa quan, trộm cướp đã đầu thú lại nổi lên như ruồi muỗi. Thành tỉnh Cao Bằng năm lần thất thủ, rồi tái chiếm (hiểu theo nghĩa trao đổi lấy vàng bạc, hay gạo muối). Lần cuối cùng quân Thanh “ra ngoài cửa quan” là dịp phi Lý Dương Tài tràn vào vào địa phận Cao Bằng-Lạng Sơn-Thái Nguyên năm 1878.. Sau khi quân Nguyễn bắt sống được Lý Dương Tài, tháng 1-2/1880, Phùng Tử Tài rút về Long Châu, Quảng Tây. Năm sau, triều đình Thanh điều động cả quân Vân Nam và Quảng Tây trở lại Bắc Kỳ, vẫn với danh nghĩa diệt phi nhưng mục đích nhằm ngăn chặn Pháp tiến vào Vân Quý và Lương Quảng.

Một số quan chức Thanh có quyền lực cũng có những lý do để can thiệp vào Đại Nam. Đó là những cố động viên của công ty *Luân thuyền Chiêu thương cục*, như Lý Hồng Chương, Trương Thụ Thanh, Tăng Quốc Thuyên, v.. v... Họ thuyết phục được triều đình Yên Kinh về mối họa Pháp ở Bắc Kỳ, cùng nhu cầu bảo vệ “phên dậu” chiến lược Hoa Nam.

Ngày 26/7/1880, Le Myre de Vilers đề nghị thay Philastre bằng Rheinart. Ngoại trưởng Freycinet cũng đồng ý tăng viện Bắc Kỳ, nhưng chính phủ bị đổ. (54)

54. *DNTLCB*, IV, LXIII, 34: 1877-1880, 1976:350, 364, 35:1881-1883, 1976:121-122; MAE (Paris), *DD I* (1883), p 156.

Ngày 23/9/1880, Jules Ferry lên làm Thủ tướng lần thứ nhất [tới 11/1881]. Louis Pothuau thay de Jauréguiberry làm Bộ trưởng HQ& TĐ. Ngày 29/10/1880, Ngoại trưởng Barthélemy St Hilaire yêu cầu BT HQ& TĐ Cloué nghiên cứu đánh Bắc Việt.

Cloué không đồng ý. Trong khi đó, ngày 10/11/1880, Hầu tước Tăng Kỳ Trạch, sứ thần nhà Thanh ở Pháp, thêm một lần khẳng định Việt Nam là chư hầu của Trung Hoa. (55)

55. H. Cordier, op. cit., II, p 281; MAE (Paris), *DD I* (1883), pp 157-59.

Ngày 25/12/1880, *Công báo Bắc Kinh [Gazette du Pékin]* đăng thư xin hàng phục nhà Thanh của Hường Nhiệm, và loan tin Hường Nhiệm cống tiến. Nhà Thanh còn cử một phái đoàn do **Đường Đình Canh**, “đạo đài” [tổng giám đốc] Chiêu thương cuộc cầm đầu qua Đại Nam. Canh nhận lệnh Lý Hồng Chương điều tra về quan hệ Việt-Pháp và tình hình Việt Nam. **Trương Thụ Thanh**, Tổng đốc Lương Quảng, giao thêm cho Canh nhiệm vụ điều tra khả năng mang quân ra Bắc của Pháp. (56)

4. Phản ứng của nhà Nguyễn:

Việc triệu hồi Philastre và tin đồn Pháp sẽ đánh chiếm Bắc Kỳ—được trích đăng liên tục trên báo Hong Kong và Sài Gòn—khiến Hường Nhiệm hoang mang lo sợ.

Một mặt, vua tìm cách yêu cầu các cường quốc can thiệp. Vua sai người móc nối với một Giám mục Espania ở Bắc Kỳ, dàn xếp gửi một sứ đoàn qua Madrid và Nhật Bản. Đồng thời, nhân dịp lễ triều cống theo thông lệ, Hường Nhiệm bí mật sai chánh sứ Nguyễn Thuật, Hữu Thị lang Bộ Lại, cùng hai Phó sứ Trần Khánh Tiến và Nguyễn Hoan; yêu cầu Phùng Tử Tài qua đánh dẹp Lý Dương Tài. Mặt khác, dù biết chỉ là tuyệt vọng, vua tiếp tục tăng cường việc phòng thủ các thành trì và cửa biên. Vệ Chính Nam Tôn Thất Thuyết, sau hai năm về quê chữa bệnh “tâm hỏa,” được cử giữ bộ Binh, đồng thời lo việc phòng thủ cửa Thuận An. (57)

57. Sứ đoàn này do Nguyễn Thuật *ĐNTLCB*, IV, LXIII, 34:1877-1880, 1976:350, & IV, LXVI, 35:1881-1883, 1976:83..

Cuối năm 1881, trong dịp tiếp Nguyễn Thuật, trên đường từ Yên Kinh về, Tuần phủ Quảng Đông Khánh Dự cho Thuật biết kế hoạch của nhà Thanh, và khuyến

Huế dừng nên lọt vào cạm bẫy của Pháp. (Thọ, 1995:265)

B. GIAI ĐOẠN 1881-1883:

Mùa Xuân 1881, Vilers về Pháp nghỉ, Tướng de Trentinian xử lý thường vụ. Ngày 5/6/1881, giữa lúc Paris đang nỗ lực vận động Quốc Hội chuẩn chi ngân khoản quân phí ở Bắc Kỳ, XLTV Thống đốc Sài Gòn báo cáo rằng Đại biện Palasne de Champeaux đã thất bại trong đòi hỏi gặp mặt Hoàng Nhiệm, và đề nghị tạm thời ngưng mọi liên hệ ngoại giao Pháp-Việt.(57) Thời gian này, do sự vận động tích cực của chính phủ Ferry—kể cả bài điều trần của de Vilers trước Quốc Hội về thái độ thiếu thành thực của triều đình Huế trong khi thi hành Hiệp ước 1874—Quốc Hội Pháp chuẩn chi ngân khoản 2,487,851 *francs* cho Bắc Kỳ. Ngay sau đó, Đô Đốc Cloué và de Vilers vội bàn thảo ngay kế hoạch chiếm đất Bắc. Tướng de Trentinian được lệnh chuẩn bị gửi ra Bắc tất cả lực lượng hải quân và một số bộ binh để tăng cường các đơn vị phòng thủ ở Hà Nội và Cửa Cấm—tức Hải phòng sứ tỉnh Hải Dương, nơi đặt sở Thương chính..(58)

57. Thư ngày 5/6/1881, Trentinian gửi Cloué; Ibid., pp 183-4.

58 CAOM (Aix), Amiraux 12907 & 12961; Tsuboi 1990, p 139.

Ngày 26/9/1881, trước khi lên đường về nhiệm sở, de Vilers nhận được chỉ thị của Cloué gồm những điểm chính sau:

(1) Có một thái độ và ngôn ngữ đủ cho triều đình Huế biết đã đến lúc phải tôn trọng triệt để các điều khoản của Hiệp ước 1874, mà cho tới hiện nay chính sách của triều đình Huế đã khiến Hiệp ước này chỉ còn rút lại những chữ "chết;"

(2) Thái độ của Pháp, để có thể chấp nhận được, phải dựa trên sự biểu dương thiết thực, dù chưa phải là một cuộc viễn chinh, nhưng đủ để chứng minh rằng Pháp có khả năng và phương tiện bắt mọi người phải tôn trọng ý muốn của nước Pháp;

(3) Lập luận của Pháp là **triều đình Nguyễn không nghiêm chỉnh thực thi Hiệp định 1874;**

(4) Thế tựa của Thống đốc Sài Gòn là gửi tất cả hải lực ra duyên hải Bắc Kỳ. Thời điểm hành động tùy thuộc ở cơ hội chính trị sẽ có, hoặc mùa tiết;

(5) Để biện minh lý do gửi quân ra Bắc, nêu lên **nhu cầu đánh dẹp hải tặc và bảo đảm sự thông thương trên sông Hồng mà Hiệp ước qui định;**

(6) Có thể tăng viện cho hai đơn vị đồn trú ở Hà Nội và Hải phòng sứ Hải Dương, bằng lực lượng cơ hữu, miễn hồ duy trì được an ninh Nam Kỳ;

(7) Thống đốc Sài Gòn có thể tìm được một cái cớ để đi ngược lên sông Hồng. Cái cớ gặp ít chống đối nhất là sự an toàn của dân chúng và thương mại;

(8) Thống đốc Sài Gòn phải báo cáo chính xác mọi diễn tiến, và trong trường hợp có đột biến, phải xin lệnh của chính phủ.(60)

60. Thư ngày 26/9/1881, Cloué gửi Vilers; MAE (Paris), DD I, pp 190-91.

1. Chuyển Ra Bắc Của Rivière (1882):

Trở lại Sài Gòn, de Vilers tìm ngay được cơ hội để bành trướng "ảnh hưởng và nền văn minh Pháp" ra Bắc Kỳ. Ngày 8/10/1881, hai Pháp kiều Courtin và Villeroi, dù có giấy phép thám hiểm sông Hồng ngược lên Vân Nam, bị quân Lưu Vĩnh Phúc gây rắc rối ở Bao Hà và Hưng Hoá. De Vilers phản đối kịch liệt, đe dọa sẽ có phản ứng nếu không giải quyết xong trước ngày đầu năm 1882. Hoàng Nhiệm mật lệnh Hoàng Kế Viêm phải điều lực lượng Cờ Đen khỏi khu vực đồn Lũng Lỗ.(61)

61. Thư ngày 17/1/1882, Vilers gửi Rheinart; Ibid., pp. 201-2; CAOM (Aix), Amiraux, 11788; *DNTLCB*, IV, 35: 1881-1883, 1976:66, 79.

Ngày 21/12, de Vilers gửi công điện xin chiếm miền Bắc, và tuyên bố sẽ tăng cường cho các đơn vị đồn trú ở đây. Thứ trưởng Thuộc Địa Francois Félix-Faure của chính phủ Gambetta [thứ hai], mới lên thay Ferry ngày 4/11/1881—và lúc này trực thuộc Bộ Thương mại của Rouvier mà không phải Bộ Hải quân nữa—không chấp thuận. Ngày 17/1/1882, Le Myre de Vilers lại xin tăng gấp đôi quân đồn trú tại Bắc Kỳ vì quân Cờ Đen rất thù nghịch. Bộ trưởng Hải quân Gougeard cho lệnh de Vilers phải tạm hoãn tới ngày Đê Đốc Pierre, Tư lệnh

Hải-Lục quân tại Nam Kỳ, tới nhận nhiệm sở. Le Myre de Vilers xin từ chức, nhưng Paris cũng không đồng ý.(62)

62. SHAT (Vincennes), 10H xxx; CD ngày 16/1/1882, Vilers gửi Rouvier; CD ngày 17/1/1882, Gougeard gửi Vilers; AMAE (Paris), *DD I*, pp 197-98.

Ngày 26/1/1882 chính phủ Gambetta bị đổ, và Freycinet lên thay 4 ngày sau. Bộ Hải quân lại kiêm nhiệm Tổng Nha Thuộc địa, do Phó Đô Đốc, Thượng Nghị sĩ de Jauréguiberry làm Bộ trưởng, với Albert Berlet, Thứ trưởng Thuộc Địa. Jules Ferry làm Bộ trưởng Giáo dục (tới 22/11/1883), và Phó Đô Đốc Peyron, Tổng Tham mưu trưởng Bộ HQ & TĐ. Tháng 3/1882, tân chính phủ Freycinet chấp thuận kế hoạch tăng viện Bắc Kỳ của de Vilers, kể cả việc chọn Trung tá Henri Rivière làm Tư lệnh.(63)

63. *Le Gaulois*, 1/2/1882; *L'Union*, 1/2/1882. Thư ngày 4/3/1882, Jauréguiberry gửi Freycinet, Thư ngày 4/3/1882, Jauréguiberry gửi de Vilers, Thư ngày 16/3/1882, Freycinet gửi Jauréguiberry; MAE (Paris), *DD I*, pp 204-9; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 38, pp 131-33.

Tháng 3/1882, de Vilers viết thư cho Hoàng Nhiệm, trách triều đình không duy trì được luật pháp và trật tự, để nhóm phỉ Lưu Vĩnh Phúc hạ nhục Pháp kiều, kể cả Palasne de Champeaux, Lãnh sự Pháp ở Hải phòng sứ, và Kỹ sư trưởng mỏ Fuchs, và cảnh cáo rằng nước Pháp sẽ có thái độ.(64)

64. Thư ngày 13/3/1882; *Ibid.*, p 226; *DNTLCB*, IV, LXVII [LXV-LXX], 35: 1881-1883, 1976: 98 [1882: **Pháp cho tàu binh ra bắc, nói để đánh đuổi Phúc**],

Đồng thời, xúc tiến việc sai Trung tá Henri Rivière ra Bắc. Rivière, 56 tuổi, là một tác giả thành danh của Pháp, và cũng một sĩ quan đầy tham vọng. Rivière nhận lệnh trực xuất quân Cờ Đen, đạo lính đánh thuê của Đại Nam, và kiểm soát an ninh châu thổ sông Hồng. Nhưng Rivière cũng được mật chỉ "mở rộng và củng cố ảnh hưởng [của Pháp] ở Bắc và Trung kỳ," chỉ tránh tối đa

việc nổ súng, trừ trường hợp cực kỳ cần thiết. Rivière cũng không được dính líu vào bất cứ cuộc nổi loạn nào ở Bắc Kỳ, nếu chưa có phép của Sài Gòn.(65)

65. SHAT (Vincennes), 10H xxx; Xem thêm chỉ thị ngày 17/1/1882, Vilers gửi Rivière; MAE (Paris), *DD I*, pp 202-203; Trần Trọng Kim, II:298.

Le Myre de Vilers muốn chiếm thành Hà Nội làm bàn đạp hầu thảo luận về việc bảo hộ miền Bắc, rồi giao cho Hường Nhiệm cai trị, nhưng Pháp sẽ nắm quyền tối thượng về cảnh sát và thuế quan. Le Myre de Vilers cũng định xây một căn cứ quân sự trên sông Lô [Claire], và mở Nam Định cho việc giao thương.(66)

66. Báo cáo ngày 2/5/1882; *Ibid.*, pp 240-41.

Ngày 26/3, Rivière nhổ neo ra Bắc, mang theo hai pháo hạm *Le Drac* và *Le Parseval*, cùng 500 binh sĩ. Mờ sáng Thứ Bảy, 1/4, Rivière tới Cửa Cấm. Nhận thêm khoảng 100 viện binh, Rivière ngược lên Hà Nội ngay. Khoảng 5 giờ chiều Chủ Nhật, 2/4, Rivière tới Hà Nội. Lãnh sự Le Jumau và Đại úy Berthe de Villers, Chỉ huy trưởng quân Pháp, đề nghị hai chỗ đóng quân: một ngôi chùa lớn hay Đồn thủy của Hải quân Đại Nam. Rivière không muốn ở chùa, sợ có ảnh hưởng chính trị xấu; cũng không ở Đồn Thủy, vì công sự phòng thủ bất tiện. Quyết định ở trong trại lính dành riêng cho Pháp ở sát bờ sông, nằm về phía Tây Nam của thành Hà Nội.

2. Rivière hạ thành Hà Nội:

Ngày 3/4, Tuần phủ Hà Nội Hoàng Hữu Xứng đến gặp Rivière, yêu cầu Tư lệnh Pháp viết thư nói rõ mục đích của chuyến đi vì Tổng đốc Hoàng Diệu (1829-1882) quá sợ hãi không dám gặp. Hoàng Diệu cũng đồng ý cho Rivière vào thành tiếp kiến. Tuy nhiên, vì sợ quân Pháp đột ngột tấn công—một mối lo sợ chính đáng, vì theo hiệp ước 1874, người Pháp không được quyền trú đóng tại Hà Nội quá 100 người—Hoàng Diệu vẫn cho lệnh binh sĩ phòng thủ cẩn mật.

Ngày 4/4, khoảng 3 giờ chiều, Rivière cùng 7 binh sĩ và 5 thủy thủ vào gặp Hoàng Diệu, có Le Junau và Thiếu tá Chanu tháp tùng. Tất cả đều không mang vũ khí. Rivière trao cho Hoàng Diệu lá thư soạn sẵn nói về lý do mang quân ra Hà Nội: Để bảo vệ các công dân

Pháp, vì chính phủ Việt không thể kiểm soát được Giặc Cờ Đen. Rivière cũng than phiền về việc lính gác công, chiều hôm trước, đã không cho Rivière cùng các sĩ quan không vũ trang tự do thăm viếng nội thành. Hoàng Diệu nêu lý do sự có mặt của quân Pháp khiến ông lo sợ, và các võ quan đã yêu cầu phải có biện pháp phòng bị. Rivière đề nghị phải trở lại sinh hoạt bình thường; nhưng Hoàng Diệu không đồng ý.

Hôm sau nữa, 5/4, hai bên trao đổi quà tặng và có vẻ thân thiện hơn. Đại úy công binh Dupommier cũng bắt đầu xây dựng trại binh tạm thời.

Qua ngày 6/4, Hoàng Diệu thông báo cho Rivière biết sẽ cho binh sĩ di chuyển, vì cần thay đổi các đơn vị. Rivière đồng ý và cảm ơn đã được báo trước. Đồng thời chuẩn bị thiết lập các trụ điện tín từ Hà Nội tới một tiền đồn dự trù xây dựng trên sông Lô [Claire].

Năm ngày sau, 11/4, khi thấy quân Việt dồn dập kéo vào thành, và tại các tỉnh đều chuẩn bị tác chiến, Rivière cảnh cáo Án sát Tôn Thất Bá là phải trở lại tình trạng cũ. Bá chỉ hứa sẽ trình lên Tổng đốc, và cho biết triều đình Huế đã gửi hai đại thần ra Bắc.

Ngày Thứ Bảy, 15/4, Rivière phái xà-lúp *Cửa Lạc* từ Hà Nội xuống Phát Diệm để đón chiến hạm *La Fanfare* tại cửa Xuân Đài. Thiếu tá de la Mure ở Hải Phòng cũng mang lên Hà Nội một đại đội (100 lính) đổ bộ dưới quyền Thiếu tá Fiaschi, nửa đại đội (50) TQLC do Trung úy Montignault chỉ huy, và 3 chiến hạm *l'Hamelin* (Fiaschi), *le Parseval* (Chapelle), và *le Drac* (Bladon).

Ngày Thứ Bảy, 15/4, Rivière phái xà-lúp *Cửa Lạc* từ Hà Nội xuống Phát Diệm để đón chiến hạm *La Fanfare* tại Cửa Xuân Đài. Thiếu tá de la Mure ở Hải Phòng cũng mang lên Hà Nội một đại đội (100 lính) đổ bộ dưới quyền Thiếu tá Fiaschi, nửa đại đội (50) TQLC do Trung úy Montignault chỉ huy, và 3 chiến hạm *l'Hamelin* (Fiaschi), *le Parseval* (Chapelle), và *le Drac* (Bladon).⁽⁶⁶⁾

66. Ibid., p 247.

Sau 3 ngày vừa di chuyển vừa dò thám lòng sông từ Hải Phòng, tàu *La Fanfare* tới Hà Nội ngày 21/4. Ngày Thứ Hai, 24/4, các đơn vị Pháp đã tập trung đầy đủ. Rivière có trong tay 450 lính TQLC, 20 pháo thủ TQLC

với 3 đại bác 40 ly, 20 pháo thủ bản xứ, 130 Hải quân, một đại bác 120 ly và một đại bác 40 ly thuộc khu Hà Nội, cùng các dàn đại bác 40 ly trên bốn chiến hạm *Le Tilsitt*, *La Fanfare*, *La Carabine*, và *La Massue*.(67)

67. Báo cáo ngày 27/4 và 13/5/1882, Rivière gửi Jauréguiberry; Ibid., pp 246-47; *DNTLCB*, IV, LXVII, 35:1881-1883, 1976:98.

5 giờ sáng ngày Thứ Ba, 25/4 [8/3 Nhâm Ngọ], Rivière ra tối hậu thư, bắt Hoàng Diệu và các quan tự nạp mình trước 8 giờ sáng. Quân lính sẽ phải bỏ khí giới, rời thành. Các cửa thành phải mở rộng. Rivière hứa sẽ trả lại thành, nhưng sẽ có biện pháp cần thiết để bảo đảm nó không còn đe dọa an ninh của người Pháp.

Mười lăm phút sau giờ tối hậu thư hết hạn, Rivière khởi sự tấn công. Ba chiến hạm *La Fanfare*, *La Massue* và *La Carabine* oanh tạc thành, đặc biệt là cửa Bắc. Tới 9 giờ, pháo binh Pháp chuyển sang bắn phá các công sở tại trung tâm, vì các cánh quân đang tiến vào vị trí tấn công. Khoảng 10 giờ 45 sáng, quân Pháp tấn công cửa Bắc. Một cánh khác đánh nghi binh vào cửa Đông. Nửa giờ sau, thành Hà Nội thất thủ. Tổng đốc Hoàng Diệu treo cổ tự vận. Đề đốc thủ thành cũng tử trận. (67)

67. SHAT (Vincennes), 10H xxx ; *DNTLCB*, IV, LXVII, 35: 1881-1883, 1976::105, 108-9. Bản dịch tối hậu thư của Rivière đăng trong MAE (Paris), *DD II*, (1883) pp 42-44. Hoàng Diệu quê ở Diên Phước, Quảng Nam. Năm 1853, đỗ Phó bảng. Làm tri huyện nhiều nơi. Năm 1877, thăng Hình bộ Tham tri, rồi đổi sang Lại bộ, kiêm Đô sát viện. Năm 1880 thăng thự Hà-Ninh tổng đốc; cùng Nguyễn Hữu Độ, quyền Tổng đốc Sơn Tây, dâng sớ xin sửa sang biên phòng, được khen ngợi; *DNTLCB*, q. 38, (1993), 3:314.

Quân Pháp chỉ bị thương 4 người. Quân Việt để lại 40 xác và 20 bị thương. Tuy nhiên, số bị thương có thể cao hơn. (68)

68. Báo cáo ngày 28/6/1882, Rivière gửi Jauréguiberry; MAE (Paris), *DD I*, p 250.

Rivière cho lệnh phá hủy các công sự phòng thủ từ cửa Bắc tới cửa Đông, ném một nửa đại bác xuống hố.

Rồi cho quân đóng ngay tại hành cung của vua. Việc quan thuế giao cho Lãnh sự de Kergaradec. Đồng thời xin tiếp tế thêm đạn dược và được tăng cường hai chiến hạm *Le Yatagan* và *Le Drac*.

Hôm sau, 26/4, Pháp tịch thu trong ngân khố 15,000 đồng Mỹ, và một số bạc cùng kim loại trị giá 75,000 *francs* [quan]. Ngoài ra, còn lấy khoảng 100,000 đồng tiền thuế. (69)

69. Ibid.(1883) pp 241, 250.

Được tin Hà Nội thất thủ, Hoàng Nhiệm vội cho lệnh Nguyễn Chính và Bùi Ân Niên rút về hướng Mỹ Đức để cùng Hoàng Kế Viêm tăng cường phòng thủ Sơn Tây. Vua còn mật lệnh xúc tiến mạnh việc xây dựng công sự phòng thủ từ Thuận An vào Huế, cùng những cửa biển quan trọng miền Trung.

3. Rivière trả lại thành:

Ngày 29/4, Rivière gửi thư cho Tôn Thất Bá, đề nghị trả lại thành. Ngày này, tàu *Le Parseval* tới Thuận An, mang theo báo cáo của Rivière về việc hạ thành Hà Nội. Ngay buổi chiều Rheinart xin gặp Thương Bạc Tường vào hôm sau. Sáng ngày 30/4, Rheinart cho Tường biết là Rivière sẽ trả lại thành. Rheinart cũng đồng ý viết thành văn thư là ba ngày sau, khi tàu *Le Parseval* ngược ra Hà Nội, triều đình có thể cử một Tổng đốc mới tháp tùng để nhận lại thành, và chứng minh hòa ước 1874 vẫn còn hiệu lực. Tuy nhiên, phải cho lệnh các nơi giải giới. (70)

70. Ibid.,(1883), pp 233-34, 265-66.

Sáng 1/5, Nguyễn Văn Tường đề nghị cùng Rheinart ra Hà Nội giải quyết tình hình; nhưng Rheinart từ chối, chỉ thuận gửi một thư giới thiệu, không niêm phong, cho Rivière. Ngày 2/5, Triều đình cử Trần Đình Túc làm Khâm sai, cùng nhóm Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Hữu Thường, Vũ Nhự theo tàu *Le Parseval* ra Bắc dàn xếp. Khâm sai Túc được kiêm chức Tổng đốc Hà Nội, và Độ, quyền Tuần phủ.

Ngày 10/5, Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ tới Hà Nội. Rivière trả lại thành, chỉ đề một toán quân ở hành cung của vua Nguyễn. Nhưng Pháp đưa ra 4 điều kiện:

1. Phải nhận sự "bảo hộ" ["*protectorat*"] của Pháp
2. Nhường Hà Nội cho Pháp
3. Đặt thương chính ở Bắc
4. Sửa lại việc thương chính khắp nơi, giao cho Pháp điều khiển.

Việc thương thuyết kéo dài vì tiếng "Bảo hộ" mà theo Rheinart, cũng như Sài Gòn và Paris, đã qui định rõ ràng trong điều 2 và 3 của Hiệp ước 1874—qua lối diễn giải phần nào ngang ngược: Pháp đại diện cho Đại Nam về ngoại giao (điều 3); Đại Nam là một nước “độc lập” (điều 2); vậy, liên hệ giữa Pháp và Đại Nam là bảo hộ.

Nhận được mật tấu của Trần Đình Túc, đa số triều thần muốn dùng quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc đánh nhau với Pháp. Thống đốc Hoàng Kế Viêm và Tổng đốc Trương Quang Đản đòi đánh một trận “rửa thẹn” rồi hãy thương thuyết. (71)

71. *DNTLCB*, IV, LXV, 35: 1881-1883, 1976:11.

Chỉ riêng Hường Nhiệm chủ hòa. Vua trả lời Phò Mã Thống chế đất Bắc:

[Sao lúc mới nghe Hà thành có việc không vây ngay mà đánh?] Nay đã giao trả, đánh, tất [Pháp sẽ] đổ lỗi cho ta, lại ngăn trở cơ hội không được sớm yên, và đánh tất phải dùng đoàn quân họ Lưu, càng thêm cho chúng tức giận, khó giảng giải. Hưởng chỉ chúng vốn hay tức giận, chỉ mượn uy dọa nạt cho được việc, nay nếu bức bách, sợ chúng phát làm bậy giữ không được. (72)

72. *Ibid.*, IV, LXVII, 35: 1881-1883, 1976: 111-112, 117.

Phản ứng của Hường Nhiệm và triều thần Huế là một biện pháp mua thời gian, chờ đợi những biến chuyển trên mặt trận ngoại giao. Từ đầu năm 1882, đại diện nhà Thanh đã mật báo cho Nguyễn Văn Tường quyết định đánh chiếm miền Bắc của Pháp. Hường Nhiệm cũng đã chính thức yêu cầu nhà Thanh can thiệp, với danh nghĩa Đại Nam là chư hầu (thuộc quốc) của Trung Hoa. Áo vọng của Hường Nhiệm là muốn đưa vấn đề Đại Nam ra trước dư luận quốc tế, qua trung gian nhà Thanh.

Nhận được thư Hoàng Nhiệm gửi Lý Hồng Chương và Trương Thụ Thanh. (*ĐNTLCB*, IV, LXVII, 35: 1881-1883, 1976:89-91) Vua Thanh—không rõ là đích thân Ái Tân Giác La Tái Điem (Quang Tự, 1875-1908) hay Thân Vương Gong [Cung] (nhiếp chính)—trả lời: “**Khả, si bắc phong tái biên**” [**Nous prendrons des mesures dès l’arrivée du vent du nord.**] Ngày 24/11/1882, Rheinart đã có được bản sao thư trả lời của vua Thanh, nhờ Ứng Chon [Dục Đức] sao chép lại. (73)

73. Sogny, 1943:124-125; Phạm Thận Duật, “Vãng sử Thiên Tân nhật ký;” Nguyễn Văn Huyền, *Phạm Thận Duật, Cuộc đời và tác phẩm* (Hà Nội: KHXH, 1989), tr. 301 [289-331]; Thời gian này, Từ Hi Thái Hậu buông màn cai trị

Sau khi Rivière mang quân ra Hà Nội, Hoàng Nhiệm sai Thương Bạc đại thần [Nguyễn Văn Tường] gặp Rheinart, yêu cầu giải thích. Rheinart tuyên bố mặc dù Hoàng Nhiệm muốn hòa bình, nhưng các quan đại thần chống Pháp, nhất là thống đốc miền Bắc, Hoàng Kế Viêm, một trong những kẻ thù của Pháp. (Sogny, 1943:111-112) Bởi thế phải nhẫn nại mới khỏi hiềm khích. Lại nói việc ở Hà Nội sợ không thôi, muốn từ chức về nước. Vua phải thốt lên “lòng độc ác của nước ấy đã lộ ra.” (74)

74. *ĐNTLCB*, IV, LXVII, 35:1881-1883, 1976:105.

Nhưng Hoàng Nhiệm chẳng có chuẩn bị nào khác hơn là cho lệnh quan Hà Nội, Hải Dương ủy quan văn võ, mỗi chức 1 viên, đóng ở ngoài thành, vì cần có người ở ngoài khi cần. (*ĐNTLCB*, IV, LXVII, 35: 1881-1883, 1976:104-105)

Trong khi đó Hoàng Kế Viêm chỉ lo tử thủ Sơn Tây, một thứ kinh đô mới ở miền Bắc.

Sau khi Hà Nội thất thủ, Hoàng Nhiệm cho lệnh Nguyễn Chính và Bùi Ân Niên rút về hướng Mỹ Đức để cùng Hoàng Kế Viêm tăng cường phòng thủ Sơn Tây. Vua còn mật lệnh xúc tiến mạnh việc xây dựng công sự phòng thủ từ Thuận An vào Huế, cùng những cửa biển quan trọng miền Trung.

Đồng thời, chỉ thị Trần Đình Túc tạm thời chưa nhận lại thành, nêu lý do Rivière vẫn đóng quân tại hành

cung. Thương thuyết cũng tiếp tục ở cả Huế lẫn Hà Nội. Vua còn sai Thương Bạc tìm cách khiêu nại với Thống đốc Le Myre de Vilers.

4. Phản ứng của nhà Thanh:

Tại Yên Kinh, ngày 10/5, Đại diện Tổng lý Nha môn gặp Đại sứ Bourée, hỏi về việc Pháp tăng viện ở Bắc Kỳ. Bourée trả lời là chưa nhận được tin gì từ Paris; nhưng nghĩ rằng Pháp chỉ tổ chức một cuộc hành quân cảnh sát để bảo vệ tự do giao thương trên sông Hồng. Quan chức Thanh yêu cầu Bourée nhân mạnh với Paris rằng “An-Nam” là một chư hầu của Trung Hoa, vua Hoàng Nhiêm đã nhận tấn phong của nhà Thanh, và Yên Kinh rất quan tâm đến tình hình tại thuộc quốc này. (75)

75. Thư ngày 14/5/1882, Bourée gửi Freycinet; Tài liệu số 124; MAE (Paris), *DD I*, (1883), pp 273-276.

Yên Kinh còn chỉ thị cho Đại sứ Tăng Kỳ Trạch phản kháng với Bộ Ngoại Giao ở Quai d'Orsay. Như đã lược nhắc, từ năm 1881, Trạch đã gửi thư cho Bộ Ngoại Giao Pháp phản đối hoà ước 1874. Tháng 2/1882, Trạch lập lại phản đối này, nhưng Ngoại trưởng de Freycinet không trả lời, chỉ thông báo cho Đại sứ Bourée biết rằng chính phủ Pháp đã quyết định tăng viện ở Bắc Kỳ để dẹp quân Cờ Đen, và bảo vệ tự do lưu thông trên sông Hồng. Ngày 14/6/1882, Kỳ Trạch lại phản đối hoà ước 1874. Bộ Ngoại Giao Pháp vẫn không trả lời trực tiếp, chỉ thị thêm cho Bourée là Paris “không thể cho phép Trung Hoa xen vào [*s'ingénérer*] chính sách Pháp theo đuổi tại Đông Dương.” (76)

76. SHAT (Vincennes), 10H xxx; Thư ngày 4/7/1882, Freycinet gửi Bourée; Tài liệu số 122; MAE (Paris), *DD I*, (1883), pp 268-270)

Mặt khác, nhà Thanh cũng định lợi dụng cơ hội chiếm đóng một phần lãnh thổ Việt. Tháng 10/1882, sai Tạ Kính Bưu kéo 3 doanh quân Vân Nam xuống vùng Tuyên Quang và Lào Cai; trong khi Triệu Ốc bố trí 5 doanh khác xuống Tuyên Quang và Thái Nguyên. Thống lĩnh Hoàng Quế Lan thì mang 12 doanh Quảng Tây qua Lạng Sơn, Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên.

Sau đó còn phái Đường Cảnh Tùng và Từ Diên Húc, tân Bộ chính Quảng Tây, qua tiếp ứng.

Ngày 1/5/1882, Rheinart báo động với Le Myre de Vilers là có tin tổng số quân Trung Hoa lên tới 12,000 người ở vùng Sơn Tây. Mặc dù con số 12,000 người có thể đã được phóng đại quá mức, Rheinart nhấn mạnh, phải nghĩ đến việc tăng viện để tránh bất trắc. (77)

77. Tài liệu số 113; Ibid., (1883), pp 228-29.

Bởi thế, ngày 5/5, Le Myre de Vilers xin gửi thêm binh sĩ từ chính quốc để chiếm đóng cả sông Hồng.

Phụ Bản VIII-1

Bản Án Phạm Phú Thứ (1879-1880)

A. Paulus Thy, tức Lê Bá Đình, và Constantin, Pène, v.. v... trong âm mưu biến Lê Bá Đình thành Lê Gia Hưng, con cháu nhà Lê, sẽ khởi nghĩa ngày 6/11/1879 với niên hiệu Ứng Thuận—mà triều đình Huế cho là «những lời nói vu vơ của Mô-răng [Motandini];» CAOM (Aix), Indochine AF, 14/A 30(31); GGI, d. 11939; ĐNTLCB, IV, LXII, 34:1877-1880, 1976:262, 296.

Đình, gốc Thủ Dầu Một, tự xưng gốc Bắc Kỳ. Làm thông ngôn cho Pháp ở Hải Phòng. Năm 1878, xin nghỉ, làm thương mại ở đây. Có liên hệ với Turc. Mưu toan với Pène, một ký giả; Constantin, một lái buôn làm việc cho công ty Landstein ở Hong Kong, cùng một số cựu viên chức ở Nam Kỳ lập một Bắc Kỳ tự trị thuộc Pháp. Constantin sẽ cung cấp một tàu chạy hơn nước và ba chaloupe chở lính và vũ khí mà Đình sẽ quyên góp để mua. Pène và những người Pháp sẽ tuyển mộ 100 người Pháp và 600 người Tagals để đánh nhau với quân triều đình. Đình lo việc tập hợp binh lính, thảo tuyên cáo phù Lê. (*La justice est dans le Ciel comme l'union doit exister parmi [les coeurs]*).

B. Phạm Phú Thứ đã bẻ gãy được kế hoạch này nhờ sự tiết lộ của Morandini, một Pháp kiều tại Hải Phòng.

[Ngày 3/11/1876 [18/9 Bính Tí], Viện Cơ Mật-Thương Bạc trình bày việc Motandini [Mô rãng] xin lập chợ ở Hải Phòng. (CBTD, CB 403:297 [2003:242]

Ngày 9/10/1877 [3/9 Đinh Sửu], Bộ Hình tâu bắt được một số người lợi dụng danh nghĩa nhà Lê làm loạn. Mưu toan hạ thành Hà Nội. Tên Hách, tên Ninh, đội Châu, đồ Hình. (CB 413:202-209); [2003:246]

12/10/1877 [6/9 Đinh Sửu]: Bộ Hình tâu bắt được một số đồng đảng của Lê Văn Ban, tự xưng con cháu nhà Lê, mưu toan hạ thành Hà Nội. (CB 415:255-261); [2003:248]

C. Tháng 5-6/1879 [4 Kỷ Mão, 21/5-19/6/1879], Vua cho Hoàng Diệu tạm thay Nguyễn Chính ở Nghệ An. xin về kinh.. Lê Điều thay Phạm Phú Thứ ở Hải Dương. (LXI, 34:1877-1880, 1976:216)

Gần đây, Thứ mật tâu việc người buôn nước Tây, nước Thanh, ngầm mưu bợn “Hán gian” gây việc.

Theo lời thông ngôn Nguyễn Hữu Cư [Thơ], người buôn Pháp là Mô-rãng-đi-ni báo rằng người buôn Tây và Thanh lên án Việt Nam cấm buôn nghiêm mật, không được thung dung tự liệu, đem lòng oán giận. Có người nước này tự xưng là con cháu nhà Lê, nay hiện đang chiêu dụ người Bắc kỳ tôn hấn làm minh chủ, ngầm hẹn với các nhà buôn, nếu giúp được nên việc, đều cho thung dung buôn bán. Các người buôn có nhiều hưởng ứng, đã góp được hơn 10,000 đồng bạc, hẹn ngầm về Hương Cảng mua súng, hẹn trong 3 tháng thì khởi sự. Từng dụ hấn [Monrandini] vào bợn. Các lời như thế, tình ấy hỏi ở các dân gian cũng có truyền ngôn ấy, lại bàn với các lãnh sự Tây, xét ý hấn, cũng lấy việc cấm gạo, rất mang lòng bất bình. Xin châm chước việc bỏ cấm gạo vài ba tháng để yên lòng người phương xa mà hết thù hấn bên ngoài.

Vua cho rằng lời nói không có căn cứ, nhưng cho Thứ làm việc chuộc tội.

Tiếp đó, khâm phái Dương Quán báo cáo việc Hải Dương có nhiều người Thanh chở trộm gạo,

cháu của Thứ là Lương Văn Tiến cung chở gạo ra ngoại quốc. Vua cho Lê Điều đổi sung chức khâm phái. Sau đó, Thứ tâu việc Lãnh sự Hà Nội muốn chiếm thành; người buôn Tây yêu cầu soái phủ Sài Gòn sửa đổi thương ước. Hoàng Nhiệm cho là **Thứ trước hoang báo, sau lại dọa triều đình. Nếu có thật, đáng lẽ phải tự dàn xếp ổn thỏa, không được nói quá thẳng vì như vậy phạm tội khích biến.** (LXI, 34:1877-1880, 1975:221-223)

D. Ngày 25/11/1879 [12/10 Kỷ Mão], Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Phan cũng mật báo Khâm phái tỉnh Gia Định cho biết Huyện Thy mang 4 tàu vũ khí ra Bắc. Phối hợp với Thanh phi quấy rối vùng thượng du, rồi tiến vào Hải Dương. (CBTĐ, CB 447:227-231 [2003:272])

Thái độ khó hiểu của lãnh sự Pháp tại Hà Nội và Hải Phòng khiến triều Huế nghi rằng đây là một cái cớ cho Pháp sửa lại điều ước của Hiệp định 1874.

Theo một số tác giả Pháp, trong thời gian Lý Dương Tài hoành hành ở miền Bắc, [khoảng tháng 2/1879] một phái đoàn kỳ hào ở Thanh Hóa tới tham khảo ý kiến Louis Turc, Trú sứ Hải Phòng, về việc tách rời khỏi ảnh hưởng Huế. Turc không đồng ý. (DD I, (1883), pp 57?; Delvaux, 1941, tr. 219).

E. Constantin là người đã gây nhiều trở ngại cho triều đình Huế từ năm 1875, sau khi Nguyễn Đức Hậu trốn nợ công ty *Landstein* ở Hong Kong 6 vạn đồng. (CBTĐ, [2003:214, 215, 216, 223]) Lê Điều cũng bị dính líu. (CB 417:159-163; [2003:248])

Petrus Key có thể liên hệ đến âm mưu này. Ngày 28/10/1885, Bộ trưởng chiến tranh Pháp là Tướng Boulanger đề cử Petrus Key với Tướng Roussel de Courcy để phụ giúp Ứng Kỳ (Đồng Khánh, 19/9/1885-28/1/1889)—người được Giám mục Caspar và Puginier ủng hộ lên làm vua để “phục hưng dòng chính thống” và biến Ứng Lịch (Hàm Nghi, 2 [17]/8/1884-5/7/1885) thành một “chú bé chạy trốn lang thang”, hầu lấy đi uy thế của phong trào Cần Vương [Giúp vua], nhưng de Courcy không đồng ý, vì Petrus Key từng dính líu

vào vụ giặc biển Tạ Văn Phụng ở Bắc Kỳ (1861-1865), và chủ trương Pháp nên rút bỏ **Bắc Kỳ gạo**, tập trung giữ vùng **Bắc Kỳ biển** trong hai năm 1879-1880 của Peine [Pène?] Siéfert. (SHAT [Vincennes], 10H xxx [21]) Nhưng khi de Courcy xin hồi hương, và Paul Bert được cử làm Tổng Trú Sứ Đại Nam, cả Petrus Key lẫn Peine-Siéfert đều được trọng dụng. Ngày 12/4/1886, Bert cử Petrus Key vào làm việc trong Viện Cơ Mật Huế. Trong gần nửa năm tại Huế, “ân sĩ” Petrus Key và Peine-Seifert là cặp bài trùng gây nên nhiều chống đối trong giới quan lại. Linh mục Nguyễn Hoàng [Hoàng], người lo việc thông ngôn khá lâu ở triều đình, bị đui ra Thanh Hóa, rồi chết ở đây.